

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA

KỲ THI NGÀY 23/11/2025

Địa điểm thi:

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - TẦNG 4

Thời gian các ca thi:

Ca 1: 7h00 - 11h30; Ca 2: 13h00 – 17h00, Ca 3: 17h30 - 21h00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
1	231101	Nguyễn Đức An	15/01/2001	121190002	Quảng Nam	19KTCLC1	1	1(A401)	ĐHBK
2	231102	Nguyễn Quang Anh	17/12/2001	121190004	Quảng Bình	19KTCLC1	1	1(A401)	ĐHBK
3	231103	Phạm Hoàng Anh	06/08/2001	107190115	Quảng Ngãi	19H5CLC	1	1(A401)	ĐHBK
4	231104	Đỗ Nguyên Ánh	10/04/2001	102200082	Quảng Nam	20TCLC_DT2	1	1(A401)	ĐHBK
5	231105	Phan Ngọc Gia Bảo	16/09/2002	101200014	Quảng Ngãi	20C1A	1	1(A401)	ĐHBK
6	231106	Trần Gia Bảo	01/02/2002	107200088	Đà Nẵng	20H2CLC	1	1(A401)	ĐHBK
7	231107	Trần Bảo Chi	16/09/2003	105210056	Bình Định	21DCLC1	1	1(A401)	ĐHBK
8	231108	Lê Văn Chung	17/02/2002	109210119	Thanh Hóa	21VLXD2	1	1(A401)	ĐHBK
9	231109	Lê Văn Chung	01/10/1999	101200015	Quảng Bình	20C1A	1	1(A401)	ĐHBK
10	231110	Nguyễn Duy Đăng	25/04/2002	101200345	Quảng Ngãi	20CDTCLC2	1	1(A401)	ĐHBK
11	231111	Hồ Thiện Đình	01/01/2002	101200263	Quảng Nam	20CDT2	1	1(A401)	ĐHBK
12	231112	Nguyễn Tấn Đúng	22/10/2000	117180063	Đà Nẵng	18QLMT	1	1(A401)	ĐHBK
13	231113	Đoàn Văn Duy	15/05/2002	109210177	Đà Nẵng	21X3B	1	1(A401)	ĐHBK
14	231114	Mai Nguyễn Trường Giang	30/05/2001	106190009	Đà Nẵng	19DTCLC1	1	1(A401)	ĐHBK
15	231115	Nguyễn Thị Hồng Hà	16/05/2002	118200096	Đà Nẵng	20KXCLC	1	1(A401)	ĐHBK
16	231116	Huỳnh Nhân Hậu	19/01/2001	103200236	Quảng Nam	20HTCN	1	1(A401)	ĐHBK
17	231117	Nguyễn Đức Hậu	12/08/2002	107200315	Bình Định	20KTHH2	1	1(A401)	ĐHBK
18	231118	Nguyễn Hữu Hậu	20/04/2000	101180230	Đà Nẵng	18CDT2	1	1(A401)	ĐHBK
19	231119	Nguyễn Thị Hiền	30/08/2001	118190050	Đà Nẵng	19KXCLC2	1	1(A401)	ĐHBK
20	231120	Đoàn Trung Hiếu	05/09/2001	101190280	Quảng Nam	19CDTCLC1	1	1(A401)	ĐHBK
21	231121	Dương Minh Hiếu	12/01/2003	105210059	Quảng Bình	21DCLC1	1	1(A401)	ĐHBK
22	231122	Ngô Đình Hiếu	13/01/2001	109190052	Quảng Nam	19X3CLC	1	1(A401)	ĐHBK
23	231123	Nguyễn Văn Hiếu	06/07/2006	107240213	Bình Định	24H5B	1	1(A401)	ĐHBK
24	231124	Bùi Văn Ngọc Hoan	29/11/2003	101210166	Quảng Trị	21C1C	1	1(A401)	ĐHBK
25	231125	Cao Việt Hoàng	12/10/2002	101200098	Kon Tum	20C1B	1	1(A401)	ĐHBK
26	231126	Lê Minh Hoàng	02/07/2003	118210050	Đà Nẵng	21KXCLC	1	1(A401)	ĐHBK
27	231127	Trần Cao Hoàng	28/12/2003	105210130	Quảng Ngãi	21D1	1	1(A401)	ĐHBK
28	231128	Phan Lương Huân	04/09/2002	105200232	Thừa Thiên Huế	20DCLC3	1	1(A401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
29	231129	Lê Thị Hồng	Huế	21/05/2002	121200019	Quảng Trị	20KT	1	2(A402)	ĐHBK
30	231130	Huỳnh Châu	Hưng	25/09/2002	103200084	Thừa Thiên Huế	20C4CLC1	1	2(A402)	ĐHBK
31	231131	Hoàng Trọng Quang	Huy	26/09/2003	111210112	Thừa Thiên Huế	21X2	1	2(A402)	ĐHBK
32	231132	Mai Văn Đức	Huy	17/11/2002	110200101	Quảng Nam	20X1CLC1	1	2(A402)	ĐHBK
33	231133	Ngô Thế	Huy	31/01/2002	109200130	Quảng Nam	20X3	1	2(A402)	ĐHBK
34	231134	Nguyễn Đức	Huy	01/12/2003	110210109	Nghệ An	21X1B	1	2(A402)	ĐHBK
35	231135	Nguyễn Hữu	Huy	19/08/2003	104210006	Nghệ An	21N	1	2(A402)	ĐHBK
36	231136	Nguyễn Phùng Minh	Huy	31/08/2001	101190288	Đà Nẵng	19CDTCLC1	1	2(A402)	ĐHBK
37	231137	Nguyễn Thành	Huy	07/01/2003	118210122	Quảng Ngãi	21KXCLC	1	2(A402)	ĐHBK
38	231138	Trần Công	Huy	15/05/2002	103200243	Quảng Nam	20HTCN	1	2(A402)	ĐHBK
39	231139	Trần Quang	Huy	19/11/2003	105210065	Đắk Lắk	21DCLC1	1	2(A402)	ĐHBK
40	231140	Võ Vương	Huy	25/08/2001	101190450	Đà Nẵng	19CDTCLC4	1	2(A402)	ĐHBK
41	231141	Phan Hoàng	Kha	02/04/2003	105210272	Đà Nẵng	21DCLC4	1	2(A402)	ĐHBK
42	231142	Nguyễn Thanh	Khải	22/03/2000	102190169	Thừa Thiên Huế	19TCLC_DT4	1	2(A402)	ĐHBK
43	231143	Nguyễn Văn	Khanh	16/09/2001	103190153	Quảng Ngãi	19C4CLC4	1	2(A402)	ĐHBK
44	231144	Phạm Đức	Khánh	05/11/2002	111200075	Nghệ An	20THXD2	1	2(A402)	ĐHBK
45	231145	Phạm Duy	Khoa	02/05/2002	109200085	Đà Nẵng	20VLXD	1	2(A402)	ĐHBK
46	231146	Nguyễn Văn	Khuê	23/05/2002	101200104	Quảng Bình	20C1B	1	2(A402)	ĐHBK
47	231147	Lê Thị	Linh	14/01/2004	118220170	Quảng Nam	22QLCN2	1	2(A402)	ĐHBK
48	231148	Phạm Duy	Lộc	02/01/2002	101200173	Quảng Nam	20C1C	1	2(A402)	ĐHBK
49	231149	Trịnh Phạm Hải	Long	21/04/2004	105220068	Quảng Bình	22D2	1	2(A402)	ĐHBK
50	231150	Lê Xuân	Mễ	24/04/2001	121190071	Thừa Thiên Huế	19KTCLC2	1	2(A402)	ĐHBK
51	231151	Võ Văn Phúc	Minh	05/08/2004	109220108	Thừa Thiên Huế	22X3B	1	2(A402)	ĐHBK
52	231152	Lê Đình Hoàng	Nam	20/05/2003	107210017	Quảng Nam	21H5	1	2(A402)	ĐHBK
53	231153	Nguyễn Hữu	Nam	07/02/2001	101190105	Nghệ An	19C1B	1	2(A402)	ĐHBK
54	231154	Nguyễn Phúc	Nam	05/04/2002	111200040	Nghệ An	20THXD1	1	2(A402)	ĐHBK
55	231155	Thái Nguyễn	Nghĩa	29/10/2002	106200136	Quảng Ngãi	20DTCLC2	1	2(A402)	ĐHBK
56	231156	Võ Quang	Nhân	12/04/2002	107200118	Thừa Thiên Huế	20H2CLC	1	2(A402)	ĐHBK
57	231157	Nguyễn Tri	Phương	18/12/2002	111200083	Quảng Nam	20THXD2	1	3(A403)	ĐHBK
58	231158	Nguyễn Đức	Quốc	12/06/2002	102200108	Quảng Trị	20TCLC_DT2	1	3(A403)	ĐHBK
59	231159	Nguyễn Phước	Quốc	13/02/2000	102180180	Quảng Nam	18TCLC_DT2	1	3(A403)	ĐHBK
60	231160	Nguyễn Văn	Quý	02/12/1998	102160259	Nghệ An	16TCLC3	1	3(A403)	ĐHBK
61	231161	Hoàng Văn	Sang	17/03/2002	105200510	Nghệ An	20TDHCLC4	1	3(A403)	ĐHBK
62	231162	Phan Thanh	Sơn	06/05/2002	105200174	Đà Nẵng	20DCLC1	1	3(A403)	ĐHBK
63	231163	Nguyễn Đức	Tài	01/10/2001	103190078	Quảng Nam	19C4CLC2	1	3(A403)	ĐHBK
64	231164	Phạm Thanh	Tài	01/01/2002	103200136	Quảng Nam	20C4CLC2	1	3(A403)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
65	231165	Nguyễn Việt Tâm	02/07/2006	106240298	Đà Nẵng	24KTMT2	1	3(A403)	ĐHBK
66	231166	Trần Văn Tâm	28/02/2001	105190411	Quảng Nam	19TDHCLC5	1	3(A403)	ĐHBK
67	231167	Trần Hậu Tân	06/06/2002	101200373	Hà Tĩnh	20CDTCLC2	1	3(A403)	ĐHBK
68	231168	Phạm Hồng Thái	03/12/2001	103200102	Thừa Thiên Huế	20C4CLC1	1	3(A403)	ĐHBK
69	231169	Đặng Đức Thắng	27/09/2002	105200176	Bình Định	20DCLC1	1	3(A403)	ĐHBK
70	231170	Đặng Quốc Thắng	26/01/2001	103190079	Bình Định	19C4CLC2	1	3(A403)	ĐHBK
71	231171	Nguyễn Nhật Thành	18/05/2006	107240232	Đà Nẵng	24H5B	1	3(A403)	ĐHBK
72	231172	Lê Nguyên Thạt	13/09/2003	109210095	Quảng Nam	21CSHT	1	3(A403)	ĐHBK
73	231173	Hứa Bánh Thiên	22/04/2003	105210075	Đà Nẵng	21DCLC1	1	3(A403)	ĐHBK
74	231174	Đoàn Văn Thiện	29/10/2002	111200091	Quảng Nam	20THXD2	1	3(A403)	ĐHBK
75	231175	Trần Sỹ Thông	01/01/2002	104200037	Nghệ An	20N	1	3(A403)	ĐHBK
76	231176	Phan Thanh Tiềm	17/02/2003	101210148	Đà Nẵng	21C1B	1	3(A403)	ĐHBK
77	231177	Lê Văn Tiến	21/10/2002	101200378	Thừa Thiên Huế	20CDTCLC2	1	3(A403)	ĐHBK
78	231178	Võ Quang Tiến	11/03/2001	105190126	Thừa Thiên Huế	19DCLC3	1	3(A403)	ĐHBK
79	231179	Lê Thị Út Tín	02/08/2003	107210231	Quảng Ngãi	21KTHH1	1	3(A403)	ĐHBK
80	231180	Nguyễn Đình Tín	17/10/2002	117200027	Thanh Hóa	20MT	1	3(A403)	ĐHBK
81	231181	Trần Phước Tính	03/09/2002	105200284	Đà Nẵng	20DCLC4	1	3(A403)	ĐHBK
82	231182	Đặng Văn Tình	10/01/2001	101190256	Quảng Ngãi	19C1D	1	3(A403)	ĐHBK
83	231183	Ngô Văn Toàn	11/07/2002	102200075	Đà Nẵng	20TCLC_DT1	1	3(A403)	ĐHBK
84	231184	Mai Thị Thúy Trâm	10/07/2004	118220195	Quảng Ngãi	22QLCN2	1	3(A403)	ĐHBK
85	231185	Võ Phước Triều	01/01/2003	105210023	Quảng Bình	21D1	1	4(B401)	ĐHBK
86	231186	Nguyễn Thanh Trọng	09/04/2002	110200085	Quảng Ngãi	20X1B	1	4(B401)	ĐHBK
87	231187	Nguyễn Quang Trường	18/08/2001	110190117	Quảng Nam	19X1CLC3	1	4(B401)	ĐHBK
88	231188	Võ Thanh Trường	04/04/2001	105190041	Quảng Nam	19DCLC1	1	4(B401)	ĐHBK
89	231189	Nguyễn Lê Anh Tú	05/08/2002	103200106	Đà Nẵng	20C4CLC1	1	4(B401)	ĐHBK
90	231190	Phan Đình Tú	05/11/2003	103210184	Quảng Nam	21C4CLC2	1	4(B401)	ĐHBK
91	231191	Lê Ngọc Tuấn	09/08/2001	105190371	Thanh Hóa	19TDHCLC4	1	4(B401)	ĐHBK
92	231192	Lê Văn Tuấn	19/03/2002	103200216	Đà Nẵng	20C4CLC4	1	4(B401)	ĐHBK
93	231193	Trần Công Tuấn	27/09/2001	103190133	Đà Nẵng	19C4CLC3	1	4(B401)	ĐHBK
94	231194	Nguyễn Văn Phương Tùng	08/10/2002	103200217	Quảng Nam	20C4CLC4	1	4(B401)	ĐHBK
95	231195	Trần Văn Tùng	19/09/2002	118200078	Quảng Nam	20KX	1	4(B401)	ĐHBK
96	231196	Nguyễn Đức Vệ	21/07/2001	103190090	Quảng Nam	19C4CLC2	1	4(B401)	ĐHBK
97	231197	Lê Anh Vũ	06/02/2002	103200180	Đà Nẵng	20C4CLC3	1	4(B401)	ĐHBK
98	231198	Lê Hoàng Vũ	10/09/2001	106190187	Hà Tĩnh	19DTCLC4	1	4(B401)	ĐHBK
99	231199	Nguyễn Hoàng Vũ	22/08/2002	102200201	Quảng Nam	20TCLC_DT4	1	4(B401)	ĐHBK
100	231200	Vũ Ngọc Tường Vy	09/04/2002	107200231	Quảng Nam	20KTHH1	1	4(B401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
101	231201	Phan Dương Hồng	Ảnh	01/11/2004	221121006405	Hà Tĩnh	48K06.4	1	4(B401)	ĐHKT
102	231202	Ngô Văn	Cường	27/06/2004	221121514204	Quảng Nam	48K14.2	1	4(B401)	ĐHKT
103	231203	Nguyễn Tiến	Đạt	28/05/2002	201121521303	Đà Nẵng	46K21.3	1	4(B401)	ĐHKT
104	231204	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	08/09/2003	211121927114	Thừa Thiên Huế	47K27	1	4(B401)	ĐHKT
105	231205	Lê Tự Duy	Huân	24/10/2003	211124029115	Quảng Nam	47K29.1	1	4(B401)	ĐHKT
106	231206	Dương Thị Thu	Hường	24/02/2003	211121407212	Đà Nẵng	47K07.2	1	4(B401)	ĐHKT
107	231207	Lê Thị Mi	Kha	27/05/2000	181124022324	Đà Nẵng	44K22.3	1	4(B401)	ĐHKT
108	231208	Nguyễn Gia	Khánh	26/09/2003	211121703118	Quảng Nam	47K03.1	1	4(B401)	ĐHKT
109	231209	Nguyễn Phạm Ngọc	Kim	02/09/2003	221121120119	Quảng Ngãi	48K20	1	4(B401)	ĐHKT
110	231210	Bùi Thị Kiều	Loan	02/12/2002	211121927121	Quảng Trị	47K27	1	4(B401)	ĐHKT
111	231223	Nguyễn Ánh	Nguyệt	11/07/2004	221120919136	Quảng Nam	48K19	1	4(B401)	ĐHKT
112	231211	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	26/09/2004	221121018327	Hà Tĩnh	48K18.3	1	4(B401)	ĐHKT
113	231212	Võ Quỳnh	Như	18/08/2004	221121018230	Quảng Nam	48K18.2	1	5(B402)	ĐHKT
114	231213	Lê Thị Hồng	Nhung	08/06/1998	161121407323	Quảng Trị	42K07.3-CLC	1	5(B402)	ĐHKT
115	231214	Nguyễn Thị Huyền	Ny	17/03/2003	211121132238	Quảng Ngãi	47K32.2	1	5(B402)	ĐHKT
116	231215	Phan Tuấn	Phát	01/08/2003	211121927129	Nghệ An	47K27	1	5(B402)	ĐHKT
117	231216	Đinh Thị Diễm	Quỳnh	08/03/2004	221121521139	Quảng Bình	48K21.1	1	5(B402)	ĐHKT
118	231217	Hoàng Hữu	Thành	06/09/2004	221121317128	Quảng Trị	48K17.1	1	5(B402)	ĐHKT
119	231218	Phan Thị Thu	Thơ	11/05/2004	221121330151	Quảng Nam	48K30	1	5(B402)	ĐHKT
120	231219	Nguyễn Thị Nguyệt	Thu	15/10/2004	221120919149	Đà Nẵng	48K19	1	5(B402)	ĐHKT
121	231220	Văn Trần Phương	Thùy	14/06/2004	221121006247	Quảng Nam	48K06.2	1	5(B402)	ĐHKT
122	231221	Vy Thị Mỹ	Trinh	27/11/2003	211122015358	Đà Nẵng	47K15.3	1	5(B402)	ĐHKT
123	231222	Trần Huy	Vũ	17/02/2003	211124008245	Đà Nẵng	47K08.2	1	5(B402)	ĐHKT
124	231224	Lê Thị Hà	Vy	31/05/2004	221124029153	Nghệ An	48K29.1	1	5(B402)	ĐHKT
125	231225	Alăng Thị	Ái	10/04/2004	3230122161		22SMN2	1	5(B402)	ĐHSP
126	231226	Đặng Ngọc	An	13/03/2004	3160622001		22SGT	1	5(B402)	ĐHSP
127	231227	Nguyễn Đức	An	30/11/2004	3160622002		22SGT	1	5(B402)	ĐHSP
128	231228	Trần Thị	An	21/03/2004	3150122001		22SS	1	5(B402)	ĐHSP
129	231229	Mai Huỳnh Gia	Ân	09/06/2004	3160422001		22SAN	1	5(B402)	ĐHSP
130	231230	An Ngọc Quỳnh	Anh	06/02/2004	3220222002		22STC	1	5(B402)	ĐHSP
131	231231	Bùi Lan	Anh	11/04/2004	3190122001		22SDL	1	5(B402)	ĐHSP
132	231232	Đỗ Trần Phương	Anh	12/07/2006	3220224002		24STC2	1	5(B402)	ĐHSP
133	231233	Hoàng Thị Hoài	Anh	24/12/2003	3220122008		22STH3	1	5(B402)	ĐHSP
134	231234	Huỳnh Thị Nguyên	Anh	16/04/2006	3140724002		24SKT2	1	5(B402)	ĐHSP
135	231235	Lê Quang Việt	Anh	17/12/2003	3180721038		21SLD	1	5(B402)	ĐHSP
136	231236	Lê Thị Phương	Anh	12/02/2005	3170123006		23SNV2	1	5(B402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
137	231237	Lê Thị Vân	Anh	19/12/2003	3180722002	22SLD2	1	5(B402)	ĐHSP
138	231238	Lê Trâm	Anh	27/06/2004	3230122002	22SMN2	1	5(B402)	ĐHSP
139	231239	Nguyễn Thị Minh	Anh	16/08/2005	3120123001	23SPT	1	5(B402)	ĐHSP
140	231240	Nguyễn Tuấn	Anh	24/07/2004	3110122001	22ST1	1	5(B402)	ĐHSP
141	231241	Nông Thị Lan	Anh	15/02/2004	3200222007	22CTL	1	6(B403)	ĐHSP
142	231242	Phạm Đỗ Hà	Anh	07/09/2005	3180723006	23SLD2	1	6(B403)	ĐHSP
143	231243	Trần Thị Hoàng	Anh	31/12/2005	3230123005	23SMN1	1	6(B403)	ĐHSP
144	231244	Đậu Thị Ngọc	Ánh	28/05/2004	3170122005	22SNV1	1	6(B403)	ĐHSP
145	231245	Dương Lê Ngọc	Ánh	16/08/2004	3110122002	22ST2	1	6(B403)	ĐHSP
146	231246	Lê Thị Ngọc	Ánh	10/06/2005	3220123025	23STH6	1	6(B403)	ĐHSP
147	231247	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/03/2004	3170122007	22SNV2	1	6(B403)	ĐHSP
148	231248	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/09/2005	3230123007	23SMN1	1	6(B403)	ĐHSP
149	231249	Phạm Xuân	Bách	24/10/2005	3180223006	23CVNH1	1	6(B403)	ĐHSP
150	231250	Trịnh Zơ Râm	Bằng	01/11/2005	3190123003	23SDL	1	6(B403)	ĐHSP
151	231251	Nguyễn Hồ Quốc	Bảo	22/09/2004	3150322001	22CTM	1	6(B403)	ĐHSP
152	231252	Đinh Văn	Bi	01/01/2005	3160523002	23SCD	1	6(B403)	ĐHSP
153	231253	Huỳnh Ngọc	Bôn	15/03/2004	3160622005	22SGT	1	6(B403)	ĐHSP
154	231254	Nguyễn Thị Bảo	Châu	15/06/2005	3170323004	23CVHH	1	6(B403)	ĐHSP
155	231255	Trần Thị	Châu	05/09/2004	3170122013	22SNV1	1	6(B403)	ĐHSP
156	231256	Lê Thị Quỳnh	Chi	22/01/2004	3170122014	22SNV1	1	6(B403)	ĐHSP
157	231257	Nguyễn Thị Linh	Chi	27/09/2004	3220122029	22STH2	1	6(B403)	ĐHSP
158	231258	Trần Kim	Chi	19/03/2004	3230123019	23SMN3	1	6(B403)	ĐHSP
159	231259	Rơ Lan	Chúc	13/04/2004	3220122033	22STH1	1	6(B403)	ĐHSP
160	231260	Trần Duy	Chương	13/09/1999	3120417002	17CNTTC	1	6(B403)	ĐHSP
161	231261	Nguyễn Tiểu Linh	Đa	23/10/2005	3220123047	23STH3	1	6(B403)	ĐHSP
162	231262	La Tú	Dân	16/12/2005	3220223007	23STC	1	6(B403)	ĐHSP
163	231263	Trần Lê Thảo	Đan	17/12/2003	3170422007	22CBC2	1	6(B403)	ĐHSP
164	231264	Mai Thị	Đào	05/11/2005	3180123004	23SLS	1	6(B403)	ĐHSP
165	231265	Trần Tiến	Đạt	10/01/2005	3160523048	23SCD	1	6(B403)	ĐHSP
166	231266	Võ Ngọc Thành	Đạt	12/09/1999	3120417004	17CNTTC	1	6(B403)	ĐHSP
167	231267	Hồ Thị Hồng	Diễm	29/08/2006	3140724015	24SKT2	1	6(B403)	ĐHSP
168	231268	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	03/02/2005	3220223009	23STC	1	6(B403)	ĐHSP
169	231269	Nguyễn Thị Xuân	Diện	06/01/2004	3220222010	22STC	1	7(C402)	ĐHSP
170	231270	Lê Phương	Diệp	01/02/2005	3220123055	23STH3	1	7(C402)	ĐHSP
171	231271	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	12/07/2004	3140722014	22SKT2	1	7(C402)	ĐHSP
172	231272	Phạm Thị Bích	Diệp	24/08/2004	3140722015	22SKT2	1	7(C402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
173	231273	Bùi Văn Định	19/06/2004	3140722017		22SKT2	1	7(C402)	ĐHSP
174	231274	Đinh Thị Doanh Doanh	28/10/2005	3240423007		23SAN	1	7(C402)	ĐHSP
175	231275	Hoàng Hữu Đông	12/01/2004	3120122004		22SPT	1	7(C402)	ĐHSP
176	231276	Nguyễn Văn Dư	26/03/2004	3160422008		22SAN	1	7(C402)	ĐHSP
177	231277	Đoàn Minh Đức	09/02/2004	3180222016		22CVNH1	1	7(C402)	ĐHSP
178	231278	Nguyễn Hoàng Dung	01/01/2004	3230122014		22SMN2	1	7(C402)	ĐHSP
179	231279	Nguyễn Thị Dung	03/10/2006	3220124047		24STH5	1	7(C402)	ĐHSP
180	231280	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/09/2006	3220224010		24STC2	1	7(C402)	ĐHSP
181	231281	Võ Thị Khánh Dung	14/06/2004	3180722015		22SLD2	1	7(C402)	ĐHSP
182	231282	Hồ Sỹ Tuấn Dũng	06/04/2003	3160422010		22SAN	1	7(C402)	ĐHSP
183	231283	Nguyễn Đình Dũng	08/06/2003	3160422011		22SAN	1	7(C402)	ĐHSP
184	231284	Hồ Sơn Dương	25/01/2004	3120222022		22CNTT2	1	7(C402)	ĐHSP
185	231285	Viên Thùy Dương	01/08/2004	3170122022		22SNV1	1	7(C402)	ĐHSP
186	231286	Vi Thị Duy	25/09/2004	3220122045		22STH5	1	7(C402)	ĐHSP
187	231287	Phạm Hồng Duyên	24/07/2006	3240124004		24SMT	1	7(C402)	ĐHSP
188	231288	Phan Cao Kiều Duyên	10/12/2004	3170123015		23SNV2	1	7(C402)	ĐHSP
189	231289	Văn Lương Ngọc Duyên	05/11/2004	3140722020		22SKT1	1	7(C402)	ĐHSP
190	231290	Đặng Thị Giang	05/06/2004	3160622011		22SGT	1	7(C402)	ĐHSP
191	231291	Đặng Thị Hà Giang	19/03/2004	3140122012		22SHH	1	7(C402)	ĐHSP
192	231292	Huỳnh Lâm Hương Giang	14/11/2005	3190123012		23SDL	1	7(C402)	ĐHSP
193	231293	Nguyễn Thị Trà Giang	22/01/2004	3220122055		22STH2	1	7(C402)	ĐHSP
194	231294	Trần Lương Thư Giang	01/01/2004	3170222022		22CVH	1	7(C402)	ĐHSP
195	231295	Võ Thị Hậu Giang	01/05/2003	3170121083		21SNV2	1	7(C402)	ĐHSP
196	231296	Đặng Minh Giáp	13/08/1999	3160418008		18SAN	1	7(C402)	ĐHSP
197	231297	Lê Ngân Hà	06/11/2004	3220122063		22STH6	1	8(C401)	ĐHSP
198	231298	Ngô Thị Thu Hà	20/04/2004	3140322013		22CHD	1	8(C401)	ĐHSP
199	231299	Nguyễn Thị Lâm Hà	15/05/2005	3220123090		23STH5	1	8(C401)	ĐHSP
200	231300	Nguyễn Thị Ngân Hà	19/04/2004	3230122027		22SMN3	1	8(C401)	ĐHSP
201	231301	Đào Lê Hạ	05/06/2004	3130122014		22SVL	1	8(C401)	ĐHSP
202	231302	Dương Hiền Hải	22/08/2003	3120221360		21CNTT3	1	8(C401)	ĐHSP
203	231303	Nguyễn Đại Hải	01/07/2002	3200220146		20CTL2	1	8(C401)	ĐHSP
204	231304	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25/08/2005	3220223015		23STC	1	8(C401)	ĐHSP
205	231305	Y Hân	15/03/2004	3180722018		22SLD1	1	8(C401)	ĐHSP
206	231306	Đinh Hữu Hân	17/01/2005	3190423017		23CDDL	1	8(C401)	ĐHSP
207	231307	Cao Thị Phụng Hằng	26/09/2004	3230122030		22SMN3	1	8(C401)	ĐHSP
208	231308	Nguyễn Thị Hằng	21/03/2004	3220122073		22STH2	1	8(C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
209	231309	Nguyễn Trương Mỹ Hằng	12/06/2004	3130122015		22SS	1	8(C401)	ĐHSP
210	231310	Phạm Thị Thu Hằng	28/11/2004	3120222030		22CNTT2	1	8(C401)	ĐHSP
211	231311	Trần Thị Thanh Hằng	31/07/2000	3170618004		18CBCC	1	8(C401)	ĐHSP
212	231312	Y Hằng	12/05/2004	3220122076		22STH1	1	8(C401)	ĐHSP
213	231313	Huỳnh Nguyễn Thảo Hạnh	11/12/2004	3140122015		22SHH	1	8(C401)	ĐHSP
214	231314	Lê Thị Mỹ Hạnh	30/01/2005	3190123014		23SDL	1	8(C401)	ĐHSP
215	231315	Vũ Văn Hạnh	25/10/2004	3190122014		22SDL	1	8(C401)	ĐHSP
216	231316	Y Hậu	06/09/2004	3230122038		22SMN2	1	8(C401)	ĐHSP
217	231317	Nguyễn Công Hiền	20/10/1994	3110122022		22ST1	1	8(C401)	ĐHSP
218	231318	Nguyễn Phước Diệu Hiền	23/05/2005	3130123007		23SVL	1	8(C401)	ĐHSP
219	231319	Nguyễn Trúc Hiền	15/04/2006	3140724032		24SKT1	1	8(C401)	ĐHSP
220	231320	Phan Thanh Hiền	13/05/2001	3160419019		19SAN	1	8(C401)	ĐHSP
221	231321	Trần Thị Thanh Hiện	13/06/2004	3160522011		22SCD	1	8(C401)	ĐHSP
222	231322	Đặng Hữu Hiệp	10/03/2002	3140122017		22SHH	1	8(C401)	ĐHSP
223	231323	Dương Thị Thu Hiếu	26/06/2004	3230122041		22SMN2	1	8(C401)	ĐHSP
224	231324	Hồ Viết Hiếu	13/07/2004	3140722027		22SKT2	1	8(C401)	ĐHSP
225	231325	Trần Phước Dương Minh Hiếu	03/09/2004	3140322016		22CHD	1	8(C401)	ĐHSP
226	231326	Trần Thanh Hiếu	07/07/2004	3150422011		22CNSH	1	8(C401)	ĐHSP
227	231327	Phạm Văn Hiệu	12/05/2004	3120222037		22CNTT2	1	8(C401)	ĐHSP
228	231328	Bùi Thị Hoa	18/02/2006	3220124088		24STH4	1	8(C401)	ĐHSP
229	231329	Huỳnh Thị Kim Hoa	22/04/2006	3220124089		24STH2	1	8(C401)	ĐHSP
230	231330	Nguyễn Thị Hoa	28/04/2003	3230121079		21SMN3	1	8(C401)	ĐHSP
231	231331	Phạm Thị Mai Hoa	27/04/2005	3220124092		24STH4	1	8(C401)	ĐHSP
232	231332	Nguyễn Đình Duy Hòa	20/08/2004	3220122089		22STH6	1	8(C401)	ĐHSP
233	231333	Nguyễn Thị Thu Hoài	23/02/2004	3170122038		22SNV2	1	8(C401)	ĐHSP
234	231334	Phùng Thị Thanh Hoan	13/07/2004	3230122042		22SMN3	1	8(C401)	ĐHSP
235	231335	Nguyễn Đức Hoàng	16/12/2004	3170122039		22SNV1	1	8(C401)	ĐHSP
236	231336	Nguyễn Huy Hoàng	05/02/2005	3190123019		23SDL	1	8(C401)	ĐHSP
237	231337	Lê Thị Mỹ Hồng	02/09/2003	3220222021		22STC	1	8(C401)	ĐHSP
238	231338	Ngô Thị Hồng	20/03/2004	3230122043		22SMN2	1	8(C401)	ĐHSP
239	231339	Nguyễn Thị Hồng	20/05/2004	3130122022		22SVL	1	8(C401)	ĐHSP
240	231340	Lê Thị Bích Hợp	20/10/2006	3220224024		24STC2	1	8(C401)	ĐHSP
241	231341	Âu Thị Huệ	20/01/2004	3220122095		22STH4	1	8(C401)	ĐHSP
242	231342	Nguyễn Thị Thu Huệ	14/08/2006	3160524019		24SCD	1	8(C401)	ĐHSP
243	231343	Võ Tấn Hùng	16/01/2004	3180222034		22CVNH2	1	8(C401)	ĐHSP
244	231344	Dương Đăng Hưng	25/04/2002	3180120029		20SLS	1	8(C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
245	231345	Nguyễn Thị Dạ	Hương	27/09/2004	3200222036	22CTL	1	8(C401)	ĐHSP
246	231346	Nguyễn Thị Hoài	Hương	09/01/2005	3220123136	23STH7	1	8(C401)	ĐHSP
247	231347	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20/02/2004	3220222022	22STC	1	8(C401)	ĐHSP
248	231348	Nguyễn Trần Thúy	Hương	24/03/2004	3160522017	22SCD	1	8(C401)	ĐHSP
249	231349	Nguyễn Thị	Hường	20/02/2004	3180722026	22SLD2	1	9(C404)	ĐHSP
250	231350	Bạch Gia	Huy	18/04/2003	3120221383	21CNTT3	1	9(C404)	ĐHSP
251	231351	Lê Đức	Huy	26/08/2004	3180222038	22CVNH2	1	9(C404)	ĐHSP
252	231352	Lê Việt	Huy	30/05/2004	3160624019	24SGT	1	9(C404)	ĐHSP
253	231353	Nguyễn Cảnh Đức	Huy	06/02/2004	3160622014	22SGT	1	9(C404)	ĐHSP
254	231354	Nguyễn Văn	Huy	29/10/2002	3190122020	22SDL	1	9(C404)	ĐHSP
255	231355	Trương Công Nguyễn Quốc	Huy	01/02/2004	3150322006	22CTM	1	9(C404)	ĐHSP
256	231356	Đinh Thị Thanh	Huyền	24/04/2005	3220123146	23STH3	1	9(C404)	ĐHSP
257	231357	Đỗ Như	Huyền	01/11/2004	3220222023	22STC	1	9(C404)	ĐHSP
258	231358	Hoàng Thị Thu	Huyền	19/12/2004	3220122108	22STH6	1	9(C404)	ĐHSP
259	231359	Nguyễn Mai Thảo	Huyền	01/09/2003	3130121088	21SVL1	1	9(C404)	ĐHSP
260	231360	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	07/11/2005	3140324020	24CHD	1	9(C404)	ĐHSP
261	231361	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16/02/2003	3200321071	21CTXH	1	9(C404)	ĐHSP
262	231362	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/06/2005	3220123152	23STH6	1	9(C404)	ĐHSP
263	231363	Phạm Mai	Huyền	07/12/2005	3140723029	23SKT1	1	9(C404)	ĐHSP
264	231364	Phan Thị Diệu	Huyền	03/02/2004	3220122113	22STH1	1	9(C404)	ĐHSP
265	231365	Rơ Lan	Huyền	30/10/2005	3220123156	23STH6	1	9(C404)	ĐHSP
266	231366	Trần Thị	Huyền	10/10/2003	3190122024	22SDL	1	9(C404)	ĐHSP
267	231367	Trần Thị Diệu	Huyền	21/07/2004	3170122045	22SNV1	1	9(C404)	ĐHSP
268	231368	Đào Thế	Huynh	18/11/2000	3120218075	18CNTT1	1	9(C404)	ĐHSP
269	231369	H - Quyên	Kbuôn	04/06/2004	3170122047	22SNV1	1	9(C404)	ĐHSP
270	231370	Trương Chí	Khang	15/09/2005	3240423022	23SAN	1	9(C404)	ĐHSP
271	231371	Lê Thị Phương	Khanh	07/11/2004	3180722030	22SLD1	1	9(C404)	ĐHSP
272	231372	Trần Thị Vân	Khánh	10/05/2005	3230123067	23SMN3	1	9(C404)	ĐHSP
273	231373	Nguyễn Trọng	Khôi	01/11/1999	3140722039	22SKT1	1	9(C404)	ĐHSP
274	231374	Alăng Thị	Khuyên	31/01/2004	3180722032	22SLD2	1	9(C404)	ĐHSP
275	231375	Hồ Thanh Thị	Khuyên	21/10/2004	3230122050	22SMN2	1	9(C404)	ĐHSP
276	231376	Huỳnh Tấn	Kiên	21/01/2004	3180222043	22CVNH1	1	9(C404)	ĐHSP
277	231377	Dương Thị Thúy	Kiều	28/03/2003	3220122118	22STH4	1	9(C404)	ĐHSP
278	231378	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	03/04/2004	3220122120	22STH2	1	9(C404)	ĐHSP
279	231379	Nguyễn Đình Quốc	Kỳ	15/12/2004	3150422016	22CNSh	1	9(C404)	ĐHSP
280	231380	Lê Hồng	Lâm	13/11/2004	3180222045	22CVNH2	1	9(C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
281	231381	Trần Thị Bé	Lâm	30/08/2004	3220122124	22STH3	1	9(C404)	ĐHSP
282	231382	Phạm Thị Ngọc	Lan	08/04/2003	3220121092	21STH9	1	9(C404)	ĐHSP
283	231383	Trương Đặng Thanh	Lân	29/07/2004	3180222047	22CVNH1	1	9(C404)	ĐHSP
284	231384	Võ Thị	Lành	30/10/2004	3230122054	22SMN3	1	9(C404)	ĐHSP
285	231385	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	29/05/2004	3190422028	22CDDL	1	9(C404)	ĐHSP
286	231386	Trần Thị	Lên	20/04/2004	3230122056	22SMN2	1	9(C404)	ĐHSP
287	231387	Hồ Thị Phương	Liên	01/08/2003	3160121027	21SGC	1	9(C404)	ĐHSP
288	231388	Huỳnh Trúc	Liên	21/07/2004	3180722034	22SLD1	1	9(C404)	ĐHSP
289	231389	Trần Thị Thùy	Liên	29/01/2004	3160422024	22SAN	1	9(C404)	ĐHSP
290	231390	Võ Thị Kim	Liên	28/09/2004	3150122010	22SS	1	9(C404)	ĐHSP
291	231391	Dương Huỳnh Khánh	Linh	01/08/2005	3220223024	23STC	1	9(C404)	ĐHSP
292	231392	Hồ Khánh	Linh	26/06/2005	3240423025	23SAN	1	9(C404)	ĐHSP
293	231393	Hồ Thị Mỹ	Linh	06/12/2003	3200321076	21CTXH	1	9(C404)	ĐHSP
294	231394	Huỳnh Phan Thảo	Linh	11/04/2004	3200222040	22CTL	1	9(C404)	ĐHSP
295	231395	Lê Mai	Linh	14/12/2004	3220122137	22STH4	1	9(C404)	ĐHSP
296	231396	Lê Trần Khánh	Linh	24/10/2001	3200419012	19CTLC	1	9(C404)	ĐHSP
297	231397	Nguyễn Lê Thùy	Linh	29/10/2004	3180722037	22SLD1	1	9(C404)	ĐHSP
298	231398	Nguyễn Thị Hà	Linh	21/10/2004	3180722038	22SLD2	1	9(C404)	ĐHSP
299	231399	Nguyễn Thị Kiều	Linh	07/11/2004	3150122011	22SS	1	9(C404)	ĐHSP
300	231400	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/04/2004	3160522018	22SCD	1	9(C404)	ĐHSP
301	231401	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/05/2004	3170122051	22SNV1	1	10(A201)	ĐHSP
302	231402	Nguyễn Thụy Mỹ	Linh	25/05/2005	3140723044	23SKT2	1	10(A201)	ĐHSP
303	231403	Phạm Khánh	Linh	22/12/2003	3170221053	21CVH	1	10(A201)	ĐHSP
304	231404	Phạm Thị Ngọc	Linh	29/07/2005	3170224032	24CVH	1	10(A201)	ĐHSP
305	231405	Trần Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/07/2004	3190422030	22CDDL	1	10(A201)	ĐHSP
306	231406	Coor	Liu	20/06/2001	3240423027	23SAN	1	10(A201)	ĐHSP
307	231407	Dương Thị Kim	Loan	27/04/2004	3180722041	22SLD2	1	10(A201)	ĐHSP
308	231408	Võ Thùy	Loan	01/07/2004	3190422031	22CDDL	1	10(A201)	ĐHSP
309	231409	Phan Thị	Lộc	22/09/2004	3220122146	22STH6	1	10(A201)	ĐHSP
310	231410	Trần Dương	Lộc	19/09/2003	3180121028	21SLS	1	10(A201)	ĐHSP
311	231411	Trần Thị	Lộc	26/03/2004	3180722043	22SLD2	1	10(A201)	ĐHSP
312	231412	Lê Vỹ	Lợi	02/01/2004	3180722044	22SLD1	1	10(A201)	ĐHSP
313	231413	Phạm Hồng	Lương	23/01/2005	3160523016	23SCD	1	10(A201)	ĐHSP
314	231414	Nguyễn Khánh	Ly	30/09/2004	3140722047	22SKT2	1	10(A201)	ĐHSP
315	231415	Nguyễn Thị Ly	Ly	26/06/2004	3150122012	22SS	1	10(A201)	ĐHSP
316	231416	Nguyễn Thị Thảo	Ly	05/12/2005	3180723048	23SLD1	1	10(A201)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
317	231417	Phạm Khánh Ly	04/02/2005	3220123200		23STH3	1	10(A201)	ĐHSP
318	231418	Võ Thị Khánh Ly	19/06/2004	3190422032		22CDDL	1	10(A201)	ĐHSP
319	231419	Y Tuyết Ly	10/12/2004	3160122011		22SGC	1	10(A201)	ĐHSP
320	231420	Nguyễn Thị Lý	28/02/2004	3220122156		22STH1	1	10(A201)	ĐHSP
321	231421	Nguyễn Thị Lý	15/05/2005	3230123093		23SMN1	1	10(A201)	ĐHSP
322	231422	Nguyễn Trần Phương Mai	29/09/2004	3220122159		22STH1	1	10(A201)	ĐHSP
323	231423	Trần Thị Mai	31/08/2004	3150422041		22CNSH	1	10(A201)	ĐHSP
324	231424	Y Ngọc Mai	31/05/2004	3220122162		22STH4	1	10(A201)	ĐHSP
325	231425	Trần Thị Trà Mi	10/02/2004	3170122058		22SNV1	1	10(A201)	ĐHSP
326	231426	Lê Bảo Ánh Minh	12/04/2004	3180722051		22SLD1	2	11(A401)	ĐHSP
327	231427	Nguyễn Hữu Minh	20/03/2004	3160522022		22SCD	2	11(A401)	ĐHSP
328	231428	Phạm Viết Văn Minh	02/10/2004	3180722052		22SLD2	2	11(A401)	ĐHSP
329	231429	Trương Công Minh	05/09/2002	3190122031		22SDL	2	11(A401)	ĐHSP
330	231430	Phạm Thị Hồng Mơ	05/09/2004	3230122070		22SMN1	2	11(A401)	ĐHSP
331	231431	Đặng Thị Trà My	12/05/2004	3180722054		22SLD2	2	11(A401)	ĐHSP
332	231432	Đinh Thị My	16/06/2004	3140722053		22SKT1	2	11(A401)	ĐHSP
333	231433	Lê Thị Trà My	10/12/2004	3140122027		22SHH	2	11(A401)	ĐHSP
334	231434	Phạm Thị Huyền My	24/05/2004	3190422033		22CDDL	2	11(A401)	ĐHSP
335	231435	Nguyễn Thị Hoàn Mỹ	15/06/2004	3220122170		22STH1	2	11(A401)	ĐHSP
336	231436	Trần Thị Mỹ	15/01/2004	3180522025		22CLS	2	11(A401)	ĐHSP
337	231437	Avô Thị Aly Na	21/06/2004	3160122015		22SGC	2	11(A401)	ĐHSP
338	231438	Bùi Lê Na	20/12/2002	3180723054		23SLD2	2	11(A401)	ĐHSP
339	231439	Đỗ Thị Ly Na	15/09/2004	3110124044		24ST2	2	11(A401)	ĐHSP
340	231440	Nguyễn Ni Na	14/01/2003	3170221059		21CVH	2	11(A401)	ĐHSP
341	231441	Nguyễn Thị Na	26/06/2004	3120222082		22CNTT1	2	11(A401)	ĐHSP
342	231442	Nguyễn Thị Na	02/05/2005	3220223035		23STC	2	11(A401)	ĐHSP
343	231443	Nguyễn Trần Khánh Na	07/08/2004	3170422047		22CBC2	2	11(A401)	ĐHSP
344	231444	Nguyễn Hải Nam	12/04/2004	3160422028		22SAN	2	11(A401)	ĐHSP
345	231445	Lê Thị Tuyết Nga	04/01/2004	3200222047		22CTL	2	11(A401)	ĐHSP
346	231446	Ngô Thị Thiên Nga	14/08/2004	3160522026		22SCD	2	11(A401)	ĐHSP
347	231447	Ngô Thị Thúy Nga	20/10/2004	3190422034		22CDDL	2	11(A401)	ĐHSP
348	231448	Nguyễn Hoàng Thu Nga	10/03/2006	3220124157		24STH2	2	11(A401)	ĐHSP
349	231449	Nguyễn Thị Bích Nga	22/07/2005	3180123015		23SLS	2	11(A401)	ĐHSP
350	231450	Nguyễn Thị Bích Nga	16/05/2004	3190422035		22CDDL	2	11(A401)	ĐHSP
351	231451	Võ Thị Hằng Nga	12/03/2004	3170122062		22SNV1	2	11(A401)	ĐHSP
352	231452	Hồ Mai Tuyết Ngân	15/04/2004	3130122035		22SVL	2	11(A401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
353	231453	Nguyễn Ái	Ngân	10/04/2004	3150122014		22SS	2	11(A401)	ĐHSP
354	231454	Nguyễn Phạm Kim	Ngân	17/03/2004	3180222071		22CVNH1	2	12(A402)	ĐHSP
355	231455	Nguyễn Thị Mi	Ngân	05/07/2004	3190422037		22CDDL	2	12(A402)	ĐHSP
356	231456	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/07/2005	3220223037		23STC	2	12(A402)	ĐHSP
357	231457	Phan Thị Kim	Ngân	14/07/2005	3140123009		23SHH	2	12(A402)	ĐHSP
358	231458	Nguyễn Gia	Nghi	02/07/2004	3170122065		22SNV2	2	12(A402)	ĐHSP
359	231459	Trần Thị Quỳnh	Nghi	31/03/2004	3140322022		22CHD	2	12(A402)	ĐHSP
360	231460	Đặng Bảo	Ngoc	08/03/2006	3140724058		24SKT2	2	12(A402)	ĐHSP
361	231461	Đào Thu	Ngoc	15/10/2004	3220122182		22STH3	2	12(A402)	ĐHSP
362	231462	Hồ Thị Bích	Ngoc	19/09/2005	3200323045		23CTXH	2	12(A402)	ĐHSP
363	231463	Hoàng Nhi Ánh	Ngoc	22/08/2005	3140723063		23SKT2	2	12(A402)	ĐHSP
364	231464	Hoàng Thị Bích	Ngoc	11/12/2004	3190422038		22CDDL	2	12(A402)	ĐHSP
365	231465	Nguyễn Thị Mỹ	Ngoc	06/01/2004	3160122016		22SGC	2	12(A402)	ĐHSP
366	231466	Nguyễn Xuân	Ngoc	08/11/2004	3180222075		22CVNH1	2	12(A402)	ĐHSP
367	231467	Phan Thảo	Ngoc	12/02/2005	3220123241		23STH4	2	12(A402)	ĐHSP
368	231468	Bùi Thị Thảo	Nguyên	28/01/2006	3140724060		24SKT2	2	12(A402)	ĐHSP
369	231469	Đặng Nguyễn Đăng	Nguyên	20/12/2004	3170122067		22SNV1	2	12(A402)	ĐHSP
370	231470	Nguyễn Dương	Nguyên	08/02/2002	3140722064		22SKT2	2	12(A402)	ĐHSP
371	231471	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	05/10/2002	3200322033		22CTXH	2	12(A402)	ĐHSP
372	231472	Nguyễn Thảo	Nguyên	14/12/2004	3220122190		22STH4	2	12(A402)	ĐHSP
373	231473	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	24/03/2004	3180222076		22CVNH1	2	12(A402)	ĐHSP
374	231474	Nguyễn Trần Đan	Nguyên	14/11/2002	3230121144		21SMN3	2	12(A402)	ĐHSP
375	231475	Trần Hoàng Thảo	Nguyên	05/10/2004	3220122191		22STH4	2	12(A402)	ĐHSP
376	231476	Hồ Thu	Nguyệt	08/02/2004	3200222052		22CTL	2	12(A402)	ĐHSP
377	231477	Lê Thị Ánh	Nguyệt	27/09/2005	3180123018		23SLS	2	12(A402)	ĐHSP
378	231478	Nguyễn Trần Đan	Nguyệt	26/09/2004	3230122164		22SMN2	2	12(A402)	ĐHSP
379	231479	Trương Thị Ánh	Nguyệt	23/09/2004	3180222078		22CVNH2	2	12(A402)	ĐHSP
380	231480	Phạm Huỳnh Thanh	Nhàn	23/01/2005	3220223040		23STC	2	12(A402)	ĐHSP
381	231481	Lưu Thị Hải	Nhật	19/01/2004	3140722066		22SKT2	2	12(A402)	ĐHSP
382	231482	Nguyễn Lê Xuân	Nhật	06/11/2004	3130122039		22SVL	2	13(A403)	ĐHSP
383	231483	Briú Thị Tuyết	Nhi	11/12/2004	3230122081		22SMN3	2	13(A403)	ĐHSP
384	231484	Đỗ Linh	Nhi	06/10/2003	3110121108		21ST2	2	13(A403)	ĐHSP
385	231485	Hồ Phương	Nhi	22/06/2004	3180722064		22SLD2	2	13(A403)	ĐHSP
386	231486	Huỳnh Nguyễn Yến	Nhi	22/10/2004	3160122017		22SGC	2	13(A403)	ĐHSP
387	231487	Lại Thị Yến	Nhi	25/08/2003	3220121582		21STH10	2	13(A403)	ĐHSP
388	231488	Lê Thi Uyển	Nhi	01/08/2004	3220122194		22STH1	2	13(A403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
389	231489	Lê Thị Yến	Nhi	23/03/2004	3230122082	22SMN1	2	13(A403)	ĐHSP
390	231490	Lương Thị Yến	Nhi	04/11/2004	3230122083	22SMN2	2	13(A403)	ĐHSP
391	231491	Mạch Thị Kiều	Nhi	01/01/2005	3220123257	23STH5	2	13(A403)	ĐHSP
392	231492	Nguyễn Hạnh	Nhi	30/10/2004	3170322035	22CVHH	2	13(A403)	ĐHSP
393	231493	Nguyễn Khánh	Nhi	09/09/2005	3220123259	23STH5	2	13(A403)	ĐHSP
394	231494	Nguyễn Thị Yến	Nhi	30/10/2004	3170122071	22SNV1	2	13(A403)	ĐHSP
395	231495	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/05/2004	3170222051	22CVH	2	13(A403)	ĐHSP
396	231496	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/08/2005	3230123118	23SMN2	2	13(A403)	ĐHSP
397	231497	Nguyễn Y Thủy	Nhi	25/11/2004	3220122199	22STH4	2	13(A403)	ĐHSP
398	231498	Phan Thị Hoài	Nhi	28/01/2004	3230122084	22SMN3	2	13(A403)	ĐHSP
399	231499	Trần Thị Phương	Nhi	23/01/2004	3150122016	22SS	2	13(A403)	ĐHSP
400	231500	Trương Thị Yến	Nhi	17/07/2004	3230122086	22SMN2	2	13(A403)	ĐHSP
401	231501	Võ Tường	Nhi	01/11/2004	3140722068	22SKT2	2	13(A403)	ĐHSP
402	231502	Võ Yến	Nhi	20/08/2004	3160422031	22SAN	2	13(A403)	ĐHSP
403	231503	Đỗ Hoàng Linh	Như	09/11/2003	3160422032	22SAN	2	13(A403)	ĐHSP
404	231504	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như	01/01/2003	3170221130	21CVH	2	13(A403)	ĐHSP
405	231505	Lâm Quỳnh	Như	02/06/2004	3140722070	22SKT2	2	13(A403)	ĐHSP
406	231506	Lê Thị Quỳnh	Như	04/07/2004	3160422033	22SAN	2	13(A403)	ĐHSP
407	231507	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	08/05/2005	3120123026	23SPT	2	13(A403)	ĐHSP
408	231508	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	20/06/2005	3180723072	23SLD2	2	13(A403)	ĐHSP
409	231509	Nguyễn Vũ Linh	Như	04/07/2003	3170122075	22SNV1	2	13(A403)	ĐHSP
410	231510	Pôloong Thị	Nhưm	23/06/2004	3220122206	22STH4	2	14(B401)	ĐHSP
411	231511	Lê Thị Thùy	Nhung	08/05/2004	3230122090	22SMN2	2	14(B401)	ĐHSP
412	231512	Nguyễn Thị	Nhung	05/01/2003	3220121607	21STH3	2	14(B401)	ĐHSP
413	231513	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/07/2001	3170219058	19CVH	2	14(B401)	ĐHSP
414	231514	Phạm Thị Hồng	Nhung	10/01/2004	3130122040	22SVL	2	14(B401)	ĐHSP
415	231515	Trần Thị Hồng	Nhung	19/09/2005	3150123026	23SS	2	14(B401)	ĐHSP
416	231516	Arâl Thị	Nụ	29/10/2004	3230122092	22SMN2	2	14(B401)	ĐHSP
417	231517	Phạm Thị Thu	Nương	24/10/2003	3170221068	21CVH	2	14(B401)	ĐHSP
418	231518	Nguyễn Trần Khánh	Ny	07/08/2004	3170422062	22CBC1	2	14(B401)	ĐHSP
419	231519	Hồ Thị	Oanh	05/09/2004	3220122214	22STH3	2	14(B401)	ĐHSP
420	231520	Lê Thị Kiều	Oanh	05/10/2004	3130122041	22SVL	2	14(B401)	ĐHSP
421	231521	Ngô Thị	Oanh	26/04/2006	3220124209	24STH4	2	14(B401)	ĐHSP
422	231522	Nguyễn Hoàng	Oanh	15/04/2004	3160422036	22SAN	2	14(B401)	ĐHSP
423	231523	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	30/03/2004	3180722067	22SLD1	2	14(B401)	ĐHSP
424	231524	Trần Hà Phương	Oanh	27/12/2004	3160122018	22SGC	2	14(B401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
425	231525	Đinh Y	Phong	24/05/2004	3220122218		22STH1	2	14(B401)	ĐHSP
426	231526	Dương Hồng	Phúc	17/07/2005	3130123017		23SVL	2	14(B401)	ĐHSP
427	231527	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	07/05/2004	3160422039		22SAN	2	14(B401)	ĐHSP
428	231528	Trần Minh	Phúc	22/08/2000	3120419017		19CNTTC	2	14(B401)	ĐHSP
429	231529	Đỗ Ngọc	Phụng	03/11/2004	3190122040		22SDL	2	14(B401)	ĐHSP
430	231530	Un Thị	Phước	02/02/2004	3160122019		22SGC	2	14(B401)	ĐHSP
431	231531	Đặng Thị Nhã	Phương	22/04/2005	3230123130		23SMN2	2	14(B401)	ĐHSP
432	231532	Hoàng Ngọc Nguyên	Phương	13/06/2004	3220222043		22STC	2	14(B401)	ĐHSP
433	231533	Nguyễn Thị	Phương	19/12/2004	3220122219		22STH4	2	14(B401)	ĐHSP
434	231534	Nguyễn Thị Thu	Phương	10/02/2004	3200222061		22CTL	2	14(B401)	ĐHSP
435	231535	Phùng Trần Thu	Phương	30/06/2004	3230122165		22SMN1	2	14(B401)	ĐHSP
436	231536	Đoàn Thị Bích	Phượng	19/01/2004	3180722073		22SLD2	2	14(B401)	ĐHSP
437	231537	Tân Lê Cát	Phượng	28/01/2004	3230122101		22SMN2	2	14(B401)	ĐHSP
438	231538	Võ Hoàng	Quốc	06/01/2004	3160422044		22SAN	2	15(B402)	ĐHSP
439	231539	Châu Thị Lệ	Quyên	16/02/2004	3220122222		22STH2	2	15(B402)	ĐHSP
440	231540	Hồ Kim	Quyên	07/02/2004	3170222061		22CVH	2	15(B402)	ĐHSP
441	231541	Lưu Thị Đỗ	Quyên	15/11/2004	3230122104		22SMN2	2	15(B402)	ĐHSP
442	231542	Nguyễn Thị	Quyên	02/06/2005	3190123038		23SDL	2	15(B402)	ĐHSP
443	231543	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/08/2004	3150122020		22SS	2	15(B402)	ĐHSP
444	231544	Trần Thị Mỹ	Quyên	20/11/2004	3150422025		22CNSH	2	15(B402)	ĐHSP
445	231545	Bùi Như	Quỳnh	09/12/2003	3180222102		22CVNH1	2	15(B402)	ĐHSP
446	231546	Đinh Văn	Quỳnh	14/02/2005	3190123039		23SDL	2	15(B402)	ĐHSP
447	231547	Dương Diễm	Quỳnh	20/04/2004	3160522040		22SCD	2	15(B402)	ĐHSP
448	231548	Hồ Khánh	Quỳnh	07/01/2005	3120123030		23SPT	2	15(B402)	ĐHSP
449	231549	Nguyễn Hồ Trúc	Quỳnh	17/08/2003	3200322040		22CTXH	2	15(B402)	ĐHSP
450	231550	Nguyễn Khánh	Quỳnh	19/08/2004	3170122091		22SNV1	2	15(B402)	ĐHSP
451	231551	Nguyễn Phan Hương	Quỳnh	13/01/2004	3180122041		22SLS	2	15(B402)	ĐHSP
452	231552	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	12/06/2004	3180722076		22SLD1	2	15(B402)	ĐHSP
453	231553	Phan Mai Diễm	Quỳnh	10/09/2004	3150322012		22CTM	2	15(B402)	ĐHSP
454	231554	Trần Thị Trúc	Quỳnh	06/05/2004	3230122105		22SMN3	2	15(B402)	ĐHSP
455	231555	Phan Thị Thanh	Sang	23/12/2003	3120222114		22CNTT1	2	15(B402)	ĐHSP
456	231556	Nguyễn Hoàng Ánh	Sáng	13/01/2005	3220223051		23STC	2	15(B402)	ĐHSP
457	231557	Thái Nguyễn	Sơn	27/07/2005	3240423050		23SAN	2	15(B402)	ĐHSP
458	231558	Lê Ngọc	Sương	16/06/2004	3220122232		22STH1	2	15(B402)	ĐHSP
459	231559	Nguyễn Văn	Sỹ	22/12/2002	3180620008		20CVNHC	2	15(B402)	ĐHSP
460	231560	Hà Anh	Tài	03/07/2000	3170618012		18CBCC	2	15(B402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
461	231561	Trần Thị Tài	16/06/2003	3220122234		22STH3	2	15(B402)	ĐHSP
462	231562	Đinh Thị Tám	09/06/2003	3170121172		21SNV2	2	15(B402)	ĐHSP
463	231563	Đào Trương Giang	11/08/2005	3160624035		24SGT	2	15(B402)	ĐHSP
464	231564	Hà Thị Thanh	10/02/2004	3160522043		22SCD	2	15(B402)	ĐHSP
465	231565	Lương Lê Mỹ	04/06/2004	3190422058		22CDDL	2	15(B402)	ĐHSP
466	231566	Nguyễn Mỹ	09/03/2004	3180722081		22SLD1	2	16(B403)	ĐHSP
467	231567	Trần Thị Minh	16/02/2004	3220122235		22STH4	2	16(B403)	ĐHSP
468	231568	Ksor H'	21/06/2005	3220123313		23STH7	2	16(B403)	ĐHSP
469	231569	Nguyễn Thanh	30/09/2001	3160120062		20SGC	2	16(B403)	ĐHSP
470	231570	Lê Thị Phương	10/05/2004	3140722085		22SKT2	2	16(B403)	ĐHSP
471	231571	Nguyễn Thị Thanh	19/07/2003	3140122041		22SHH	2	16(B403)	ĐHSP
472	231572	Trần Vũ Vân	02/07/2005	3160523030		23SCD	2	16(B403)	ĐHSP
473	231573	Phạm Đỗ Ngọc	07/06/2001	3160622021		22SGT	2	16(B403)	ĐHSP
474	231574	Ksor H'	14/03/2004	3220223054		23STC	2	16(B403)	ĐHSP
475	231575	Đỗ Thị Vân	07/08/2005	3190123041		23SDL	2	16(B403)	ĐHSP
476	231576	Dương Hiền	06/02/2004	3220122243		22STH6	2	16(B403)	ĐHSP
477	231577	Hà Thị Thanh	01/06/2004	3180222112		22CVNH1	2	16(B403)	ĐHSP
478	231578	Lê Diệu	16/11/2005	3120123032		23SPT	2	16(B403)	ĐHSP
479	231579	Lê Thị	15/02/2004	3220122247		22STH4	2	16(B403)	ĐHSP
480	231580	Ngô Thị Thanh	18/07/2006	3220124255		24STH5	2	16(B403)	ĐHSP
481	231581	Nguyễn Cao Vi	17/08/2004	3180722087		22SLD1	2	16(B403)	ĐHSP
482	231582	Nguyễn Phương	16/01/2004	3230122110		22SMN2	2	16(B403)	ĐHSP
483	231583	Nguyễn Thanh	20/08/2003	3170121180		21SNV2	2	16(B403)	ĐHSP
484	231584	Nguyễn Thị Phương	16/10/2005	3180723089		23SLD2	2	16(B403)	ĐHSP
485	231585	Nguyễn Thị Phương	12/09/2004	3220122249		22STH1	2	16(B403)	ĐHSP
486	231586	Nguyễn Thị Thu	07/08/2004	3220222051		22STC	2	16(B403)	ĐHSP
487	231587	Trần Phương	20/07/2004	3190122045		22SDL	2	16(B403)	ĐHSP
488	231588	Trần Thị Phương	04/05/2004	3190422064		22CDDL	2	16(B403)	ĐHSP
489	231589	Trịnh Thị Thu	04/06/2004	3220122254		22STH2	2	16(B403)	ĐHSP
490	231590	Võ Thị Như	01/06/2004	3140722091		22SKT1	2	16(B403)	ĐHSP
491	231591	Zơ Râm Thị Thu	29/09/2003	3190422065		22CDDL	2	16(B403)	ĐHSP
492	231592	Huỳnh Thị Cẩm	20/03/2004	3180722090		22SLD2	2	16(B403)	ĐHSP
493	231593	Nguyễn Văn	26/09/2004	3190422066		22CDDL	2	16(B403)	ĐHSP
494	231594	Nguyễn Thị Thanh	25/06/2004	3230122112		22SMN1	2	17(C402)	ĐHSP
495	231595	Nguyễn Thị Anh	06/01/2004	3220122257		22STH3	2	17(C402)	ĐHSP
496	231596	Trần Thị Anh	26/06/2002	3160121001		21SGC	2	17(C402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
497	231597	Đinh Thị Kim	Thoa	14/03/2002	3230120256		20SMN1	2	17(C402)	ĐHSP
498	231598	Phan Thị	Thom	09/03/2005	3220123339		23STH6	2	17(C402)	ĐHSP
499	231599	Cầm Thị	Thu	28/09/2004	3180222124		22CVNH2	2	17(C402)	ĐHSP
500	231600	Lê Thị Thanh	Thu	18/09/2005	3240423052		23SAN	2	17(C402)	ĐHSP
501	231601	Ngô Thị Bích	Thu	07/01/2004	3160422049		22SAN	2	17(C402)	ĐHSP
502	231602	Phan Thị Hoài	Thu	17/06/2004	3140722092		22SKT1	2	17(C402)	ĐHSP
503	231603	Tường Sông	Thu	19/06/2004	3230122115		22SMN1	2	17(C402)	ĐHSP
504	231604	Đặng Huỳnh Minh	Thư	17/06/2004	3200222077		22CTL	2	17(C402)	ĐHSP
505	231605	Dương Thị Anh	Thư	27/09/2004	3230122116		22SMN2	2	17(C402)	ĐHSP
506	231606	Lê Nguyễn Anh	Thư	20/07/2006	3140724087		24SKT2	2	17(C402)	ĐHSP
507	231607	Lê Trần Minh	Thư	30/05/2004	3160422050		22SAN	2	17(C402)	ĐHSP
508	231608	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	10/08/2004	3230122118		22SMN1	2	17(C402)	ĐHSP
509	231609	Nguyễn Thị Minh	Thư	20/08/2004	3120122031		22SPT	2	17(C402)	ĐHSP
510	231610	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/10/2003	3230122119		22SMN2	2	17(C402)	ĐHSP
511	231611	Phan Thị Ngọc	Thư	10/05/2004	3140722094		22SKT2	2	17(C402)	ĐHSP
512	231612	Trần Anh	Thư	18/04/2003	3160422053		22SAN	2	17(C402)	ĐHSP
513	231613	Trương Thị Anh	Thư	28/05/2003	3160522047		22SCD	2	17(C402)	ĐHSP
514	231614	Trương Thị Anh	Thư	21/11/2004	3170122099		22SNV2	2	17(C402)	ĐHSP
515	231615	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	09/10/2004	3230122120		22SMN2	2	17(C402)	ĐHSP
516	231616	Hà Thị Diệu	Thương	13/03/2003	3230122127		22SMN3	2	17(C402)	ĐHSP
517	231617	Lê Thị Dạ	Thương	22/04/2005	3170423110		23CBC2	2	17(C402)	ĐHSP
518	231618	Lê Thị Hoài	Thương	20/07/2004	3140122047		22SHH	2	17(C402)	ĐHSP
519	231619	Lê Thị Lệ	Thương	07/05/2000	3170418168		18CBC1	2	17(C402)	ĐHSP
520	231620	Lý Nguyễn Ngọc	Thùy	28/11/1999	3200217097		17CTL2	2	17(C402)	ĐHSP
521	231621	Nguyễn Thị	Thùy	08/01/2004	3180222134		22CVNH2	2	17(C402)	ĐHSP
522	231622	Lê Thị Hồng	Thúy	13/07/2004	3220122273		22STH5	2	18(C401)	ĐHSP
523	231623	Nguyễn Thị	Thúy	07/09/2005	3190123045		23SDL	2	18(C401)	ĐHSP
524	231624	Võ Thị Thu	Thùy	27/06/2005	3230123168		23SMN3	2	18(C401)	ĐHSP
525	231625	Phạm Thị Bé	Thủy	12/05/2004	3150122027		22SS	2	18(C401)	ĐHSP
526	231626	Võ Thị Thu	Thủy	14/05/2004	3220222053		22STC	2	18(C401)	ĐHSP
527	231627	Đặng Yến	Thy	06/11/2006	3220124281		24STH2	2	18(C401)	ĐHSP
528	231628	Lê Ngọc Thủy	Tiên	01/01/2006	3220124284		24STH5	2	18(C401)	ĐHSP
529	231629	Lê Thị Cẩm	Tiên	10/08/2004	3180222139		22CVNH1	2	18(C401)	ĐHSP
530	231630	Ngô Thị Thủy	Tiên	19/06/2003	3230121228		21SMN2	2	18(C401)	ĐHSP
531	231631	Trần Thị Nam	Tiên	24/02/2004	3200222083		22CTL	2	18(C401)	ĐHSP
532	231632	Đỗ Nhật	Tiến	02/08/2003	3120221297		21CNTT3	2	18(C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
533	231633	Lê Công Tiến	06/11/2004	3180222142		22CVNH1	2	18(C401)	ĐHSP
534	231634	Nguyễn Hữu Tiến	01/02/1999	3120417025		17CNTTC	2	18(C401)	ĐHSP
535	231635	Nguyễn Thị Tiền	27/08/2006	3220124286		24STH7	2	18(C401)	ĐHSP
536	231636	Lê Thị Minh Tính	17/08/2004	3150122028		22SS	2	18(C401)	ĐHSP
537	231637	Phan Thị Tình	30/01/2005	3180123024		23SLS	2	18(C401)	ĐHSP
538	231638	Nguyễn Văn Toàn	10/09/2004	3140122050		22SHH	2	18(C401)	ĐHSP
539	231639	Nguyễn Thị Thanh Trà	06/08/2005	3180123025		23SLS	2	18(C401)	ĐHSP
540	231640	Nguyễn Tấn Trái	02/06/2004	3170122106		22SNV1	2	18(C401)	ĐHSP
541	231641	Hứa Thị Thanh Trâm	26/02/2003	3170221092		21CVH	2	18(C401)	ĐHSP
542	231642	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	11/11/2005	3220123370		23STH3	2	18(C401)	ĐHSP
543	231643	Nguyễn Thị Minh Trâm	06/12/2005	3220123371		23STH5	2	18(C401)	ĐHSP
544	231644	Phạm Thùy Trâm	07/11/2005	3150123038		23SS	2	18(C401)	ĐHSP
545	231645	Đặng Hoàng Quế Trân	30/10/2003	3220122278		22STH6	2	18(C401)	ĐHSP
546	231646	Nguyễn Kiều Nguyệt Trân	19/02/2004	3220122279		22STH6	2	18(C401)	ĐHSP
547	231647	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	29/03/2004	3150122029		22SS	2	18(C401)	ĐHSP
548	231648	Cao Thị Huyền Trang	24/02/2004	3140122052		22SHH	2	18(C401)	ĐHSP
549	231649	Dương Thị Thùy Trang	29/10/2005	3150423038		23CNSH	2	18(C401)	ĐHSP
550	231650	Dương Thị Thùy Trang	17/05/2004	3220122281		22STH6	2	18(C401)	ĐHSP
551	231651	Hoàng Thị Huyền Trang	24/05/2004	3220122286		22STH6	2	18(C401)	ĐHSP
552	231652	Ngô Huỳnh Trang	04/01/2005	3220223066		23STC	2	18(C401)	ĐHSP
553	231653	Ngô Uyên Trang	31/07/2004	3160522052		22SCD	2	18(C401)	ĐHSP
554	231654	Nguyễn Minh Trang	04/06/2004	3230122135		22SMN2	2	18(C401)	ĐHSP
555	231655	Nguyễn Phạm Quỳnh Trang	02/09/2004	3160422055		22SAN	2	18(C401)	ĐHSP
556	231656	Nguyễn Thị Đoan Trang	12/03/2004	3180222146		22CVNH1	2	18(C401)	ĐHSP
557	231657	Nguyễn Thị Hoài Trang	30/10/2003	3230122136		22SMN3	2	18(C401)	ĐHSP
558	231658	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	16/04/2004	3220122292		22STH3	2	18(C401)	ĐHSP
559	231659	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/05/2004	3220122293		22STH2	2	18(C401)	ĐHSP
560	231660	Nguyễn Thị Thùy Trang	29/11/2005	3220223067		23STC	2	18(C401)	ĐHSP
561	231661	Phùng Thị Trang	24/12/2004	3170122112		22SNV2	2	18(C401)	ĐHSP
562	231662	Phùng Thị Thùy Trang	14/02/2005	3130123029		23SVL	2	18(C401)	ĐHSP
563	231663	Tạ Thị Thùy Trang	20/11/2004	3160422056		22SAN	2	18(C401)	ĐHSP
564	231664	Trần Thị Thùy Trang	23/07/2005	3150123039		23SS	2	18(C401)	ĐHSP
565	231665	Trần Thị Thùy Trang	30/10/2005	3190123049		23SDL	2	18(C401)	ĐHSP
566	231666	Trương Thị Huyền Trang	02/10/2005	3220123388		23STH6	2	18(C401)	ĐHSP
567	231667	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	06/07/2004	3230122141		22SMN3	2	18(C401)	ĐHSP
568	231668	Nguyễn Thị Tô Trinh	30/05/2004	3180722102		22SLD1	2	18(C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
569	231669	Phan Võ Ngọc	Trình	24/03/2004	3190422076		22CDDL	2	18(C401)	ĐHSP
570	231670	Võ Thị Kiều	Trình	11/03/2004	3120122034		22SPT	2	18(C401)	ĐHSP
571	231671	Y	Trình	04/01/2004	3220122303		22STH5	2	18(C401)	ĐHSP
572	231672	Polong Thị	Trị	08/01/2004	3220122304		22STH3	2	18(C401)	ĐHSP
573	231673	Phạm Thị Thanh	Trúc	16/10/2005	3160523043		23SCD	2	18(C401)	ĐHSP
574	231674	Nguyễn Quang	Trường	16/05/2002	3160420019		20SAN	2	19(C404)	ĐHSP
575	231675	Dương Thị Cẩm	Tú	30/09/2004	3220122305		22STH4	2	19(C404)	ĐHSP
576	231676	Nguyễn Cẩm	Tú	02/09/2004	3220122306		22STH3	2	19(C404)	ĐHSP
577	231677	Nguyễn Ngọc	Tú	19/07/2003	3160622024		22SGT	2	19(C404)	ĐHSP
578	231678	Nguyễn Thị Thanh	Tú	20/07/2004	3140322045		22CHD	2	19(C404)	ĐHSP
579	231679	Phan Anh	Tuấn	13/11/2003	3130121123		21SVL1	2	19(C404)	ĐHSP
580	231680	Trần Hữu	Tuấn	09/10/2003	3120421023		21CNTTC	2	19(C404)	ĐHSP
581	231681	Nguyễn Quang	Tùng	02/05/2004	3160622025		22SGT	2	19(C404)	ĐHSP
582	231682	Nguyễn Thanh	Tùng	08/03/2002	3170620023		20CBCC	2	19(C404)	ĐHSP
583	231683	Lê Khánh	Tuyên	02/02/2004	3180722106		22SLD2	2	19(C404)	ĐHSP
584	231684	Hồ Thị	Tuyết	03/02/2004	3220122310		22STH5	2	19(C404)	ĐHSP
585	231685	Phan Thị Như	Tuyết	20/05/2005	3220223070		23STC	2	19(C404)	ĐHSP
586	231686		U-An-Chi	12/08/2004	3220122312		22STH3	2	19(C404)	ĐHSP
587	231687	Huỳnh Thị Như	Uyên	15/07/2004	3140722117		22SKT2	2	19(C404)	ĐHSP
588	231688	Lê Thị Phương	Uyên	05/07/2006	3220124310		24STH2	2	19(C404)	ĐHSP
589	231689	Trần Phương	Uyên	23/02/2004	3220122318		22STH4	2	19(C404)	ĐHSP
590	231690	Trần Thị Phương	Uyên	14/01/2005	3140723118		23SKT1	2	19(C404)	ĐHSP
591	231691	Trần Thùy Nhã	Uyên	26/10/2004	3180222159		22CVNH1	2	19(C404)	ĐHSP
592	231692	Trịnh Thị Phương	Uyên	18/09/2004	3190122060		22SDL	2	19(C404)	ĐHSP
593	231693	Trương Nguyễn Thảo	Uyên	11/03/2004	3150422035		22CNSH	2	19(C404)	ĐHSP
594	231694	Đinh Thị Mỹ	Vân	23/08/2003	3230122160		22SMN2	2	19(C404)	ĐHSP
595	231695	Hà Thị	Vân	08/04/2003	3170121221		21SNV2	2	19(C404)	ĐHSP
596	231696	Lê Thị Cẩm	Vân	27/11/2004	3220122321		22STH2	2	19(C404)	ĐHSP
597	231697	Lê Thị Thảo	Vân	26/12/2004	3230122151		22SMN1	2	19(C404)	ĐHSP
598	231698	Nguyễn Lê Bích	Vân	06/04/2005	3160523047		23SCD	2	19(C404)	ĐHSP
599	231699	Trần Thị Mỹ	Vân	04/02/2003	3170221105		21CVH	2	19(C404)	ĐHSP
600	231700	Đinh Lê Hoàng	Văn	20/03/2004	3180622018		22CVNH1	2	19(C404)	ĐHSP
601	231701	Đặng Tường	Vi	14/06/2004	3220222060		22STC	2	19(C404)	ĐHSP
602	231702	Nguyễn Thị Thảo	Vi	14/02/2004	3220122323		22STH6	2	19(C404)	ĐHSP
603	231703	Nguyễn Thị Tường	Vi	08/06/2004	3170122117		22SNV2	2	19(C404)	ĐHSP
604	231704	Phan Thị Yến	Vi	11/11/2003	3160422060		22SAN	2	19(C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
605	231705	Trương Hoài Vi	17/11/2004	3230122153		22SMN3	2	19(C404)	ĐHSP
606	231706	Đồng Diên Vĩ	25/06/2005	3240423061		23SAN	2	19(C404)	ĐHSP
607	231707	Hồ Đức Việt	04/06/2005	3190123055		23SDL	2	19(C404)	ĐHSP
608	231708	Lê Thế Vinh	02/12/2004	3110122106		22ST1	2	19(C404)	ĐHSP
609	231709	Biện Thị Hà Vy	08/07/2004	3180722112		22SLD2	2	19(C404)	ĐHSP
610	231710	Đoàn Thị Quý Vy	21/12/2004	3140722119		22SKT2	2	19(C404)	ĐHSP
611	231711	Hồ Tường Vy	05/08/2005	3220223071		23STC	2	19(C404)	ĐHSP
612	231712	Mai Yến Vy	19/09/2004	3190422080		22CDDL	2	19(C404)	ĐHSP
613	231713	Nguyễn Đăng Kha Vy	26/01/2002	3180220377		20CVNH2	2	19(C404)	ĐHSP
614	231714	Nguyễn Thị Thuý Vy	08/10/2004	3160522059		22SCD	2	19(C404)	ĐHSP
615	231715	Nguyễn Thị Yến Vy	09/07/2004	3170422103		22CBC1	2	19(C404)	ĐHSP
616	231716	Thùy Thị Tường Vy	26/08/2004	3230122158		22SMN2	2	19(C404)	ĐHSP
617	231717	Huỳnh Ngọc Vỹ	01/01/2002	3170120339		20SNV3	2	19(C404)	ĐHSP
618	231718	Kpã Xương	10/05/2005	3220123426		23STH7	2	19(C404)	ĐHSP
619	231719	Nguyễn Hoàng Duy Xuyên	17/03/2000	3160418031		18SAN	2	19(C404)	ĐHSP
620	231720	Ngô Thị Như Ý	01/02/2005	3170423138		23CBC2	2	19(C404)	ĐHSP
621	231721	Trần Thị Như Ý	26/03/2004	3220122330		22STH5	2	19(C404)	ĐHSP
622	231722	Lê Thị Thanh Yên	27/04/2004	3220222063		22STC	2	19(C404)	ĐHSP
623	231723	Lê Thị Hoàng Yến	20/11/2003	3170221160		21CVH	2	19(C404)	ĐHSP
624	231724	Nguyễn Thị Hải Yến	17/08/2004	3220123434		23STH1	2	19(C404)	ĐHSP
625	231725	Nguyễn Thị Hải Yến	01/08/2004	3230122159		22SMN3	2	19(C404)	ĐHSP
626	231726	Thái Thị Hải Yến	18/03/2004	3160522061		22SCD	2	20(A201)	ĐHSP
627	231727	Phan Trường An	31/01/2002	2050441200101	Quảng Nam	20CDT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
628	231728	Nguyễn Hoàng Ân	09/01/2003	21115051220202	Quảng Trị	21D3	2	20(A201)	ĐHSPKT
629	231729	Nguyễn Hữu Ân	20/07/2000	1811504210401	Quảng Trị	18DL4	2	20(A201)	ĐHSPKT
630	231730	Hoàng Tuấn Anh	29/04/2003	21115051220102	Quảng Trị	21D1	2	20(A201)	ĐHSPKT
631	231731	Lê Ngọc Ánh	23/05/2003	21115051220103	Quảng Trị	21D2	2	20(A201)	ĐHSPKT
632	231732	Võ Thịnh Bách	17/05/2002	21115073120101	Quảng Nam	21HTP1	2	20(A201)	ĐHSPKT
633	231733	Dương Ngọc Bằng	27/05/2003	21115061120102	Quảng Nam	21XD1	2	20(A201)	ĐHSPKT
634	231734	Huỳnh Quốc Bảo	17/12/2002	2050421200106	Quảng Nam	20DL1	2	20(A201)	ĐHSPKT
635	231735	Lâm Nhật Bảo	24/04/2002	2050541200106	Quảng Nam	20DT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
636	231736	Nguyễn Trần Gia Bảo	27/03/2003	21115061120203	Quảng Nam	21XD2	2	20(A201)	ĐHSPKT
637	231737	Trịnh Văn Biền	18/04/2002	2050512200108	Nam Định	20D2	2	20(A201)	ĐHSPKT
638	231738	Lê Công Bình	05/10/2003	21115063120104	Quảng Nam	21XC1	2	20(A201)	ĐHSPKT
639	231739	Trương Phước Hòa Bình	21/01/2002	2050441200107	Quảng Nam	20CDT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
640	231740	Trương Phương Bình	26/10/2003	2111514110103	Quảng Ngãi	21DL2	2	20(A201)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
641	231741	Nguyễn Minh Cảnh	20/07/2003	21115044120103	Kon Tum	21CDT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
642	231742	Trần Hữu Cát	22/09/2002	2050421200110	Gia Lai	20DL1	2	20(A201)	ĐHSPKT
643	231743	Bùi Đức Chính	09/06/2003	21115053120106	Quảng Nam	21T1	2	20(A201)	ĐHSPKT
644	231744	Nguyễn Phan Phúc Công	16/04/2003	21115055120111	Quảng Trị	21TDH1	2	20(A201)	ĐHSPKT
645	231745	Nguyễn Văn Công	19/05/2003	21115061120204	Quảng Nam	21XD2	2	20(A201)	ĐHSPKT
646	231746	Lê Văn Cương	29/04/2003	21115051220276	Nghệ An	21D2	2	20(A201)	ĐHSPKT
647	231747	Đặng Quốc Cường	30/09/2003	21115044120104	Quảng Nam	21CDT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
648	231748	Phạm Đình Cường	12/02/2001	1911505510106	Quảng Nam	19TDH1	2	20(A201)	ĐHSPKT
649	231749	Hà Nguyễn Hoàng Đại	22/09/2003	21115061120105	Đà Nẵng	21XD1	2	20(A201)	ĐHSPKT
650	231750	Huỳnh Huy Đạt	18/06/2003	21115061120106	Quảng Ngãi	21XD1	2	20(A201)	ĐHSPKT
651	231751	Nguyễn Tiến Đạt	24/07/2003	21115061120205	Quảng Trị	21XD2	3	21(A401)	ĐHSPKT
652	231752	Nguyễn Tuấn Đạt	29/11/2003	21115055120117	Hà Tĩnh	21TDH1	3	21(A401)	ĐHSPKT
653	231753	Phan Minh Đạt	24/09/2003	21115053120307	Quảng Nam	21T3	3	21(A401)	ĐHSPKT
654	231754	Trần Tiến Đạt	28/04/2003	21115051220207	Hà Tĩnh	21D3	3	21(A401)	ĐHSPKT
655	231755	Nguyễn Tấn Điền	25/01/2002	2050421200125	Quảng Ngãi	20DL1	3	21(A401)	ĐHSPKT
656	231756	Lê Thị Diệp	20/07/2003	21115053120205	Quảng Nam	21T2	3	21(A401)	ĐHSPKT
657	231757	Trần Đức Diêu	21/03/2003	21115041120210	Quảng Ngãi	21C2	3	21(A401)	ĐHSPKT
658	231758	Nguyễn Đình Đoàn	12/06/2002	2050421200126	Quảng Ngãi	20DL1	3	21(A401)	ĐHSPKT
659	231759	Đặng Thành Đức	07/07/2002	2050541200114	Đà Nẵng	20DT1	3	21(A401)	ĐHSPKT
660	231760	Lê Minh Đức	10/08/2003	21115051220283	Hà Tĩnh	21D1	3	21(A401)	ĐHSPKT
661	231761	Lê Thanh Đức	07/10/2003	21115044120106	Quảng Ngãi	21CDT1	3	21(A401)	ĐHSPKT
662	231762	Nguyễn Hoài Đức	15/06/2001	2050611200107	Quảng Trị	21XD1	3	21(A401)	ĐHSPKT
663	231763	Nguyễn Văn Đức	26/03/2003	21115043120164	Gia Lai	21N1	3	21(A401)	ĐHSPKT
664	231764	Nguyễn Văn Đức	26/10/2003	21115051220210	Hà Tĩnh	21D3	3	21(A401)	ĐHSPKT
665	231765	Phạm Minh Đức	14/04/2004	22115054122115	Quảng Nam	22DT1	3	21(A401)	ĐHSPKT
666	231766	Trần Văn Đức	17/11/2003	21115061120209	Quảng Nam	21XD2	3	21(A401)	ĐHSPKT
667	231767	Nguyễn Kim Dũng	17/03/1996	1911505120209	Quảng Nam	19D2	3	21(A401)	ĐHSPKT
668	231768	Nguyễn Phi Văn Dũng	14/04/2003	21115044120211	Hà Tĩnh	21CDT2	3	21(A401)	ĐHSPKT
669	231769	Nguyễn Tấn Dũng	30/06/2004	22115051222314	Quảng Ngãi	22D1	3	21(A401)	ĐHSPKT
670	231770	Trương Thanh Dũng	15/06/2001	1911506410104	Quảng Nam	19XH1	3	21(A401)	ĐHSPKT
671	231771	Trương Văn Dương	08/03/2003	21115051220214	Thừa Thiên Huế Huế	21D3	3	21(A401)	ĐHSPKT
672	231772	Nguyễn Văn Trường Giang	12/08/2003	21115051220216	Quảng Nam	21D2	3	21(A401)	ĐHSPKT
673	231773	Trần Huỳnh Quang Giáo	20/12/2004	22115041122216	Quảng Ngãi	22C2	3	21(A401)	ĐHSPKT
674	231774	Phạm Tấn Ngọc Hà	12/10/2003	21115061120212	Quảng Nam	21XD2	3	21(A401)	ĐHSPKT
675	231775	Trịnh Minh Hân	11/01/2004	22115041122116	Quảng Trị	22C1	3	21(A401)	ĐHSPKT
676	231776	Trần Đăng Hào	30/09/2002	205141100106	Quảng Trị	20T3	3	21(A401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
677	231777	Nguyễn Lương	Hậu	06/02/2003	2111514110108	Quảng Bình	21SK1	3	21(A401)	ĐHSPKT
678	231778	Nguyễn Văn	Hậu	13/04/2003	21115051220219	Quảng Nam	21D2	3	21(A401)	ĐHSPKT
679	231779	Văn Công	Hiền	04/01/2003	21115067121106	Quảng Nam	21KT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
680	231780	Phạm Vinh	Hiền	15/02/2002	2050411200126	Quảng Nam	20C1	3	22(A402)	ĐHSPKT
681	231781	Nguyễn Thế	Hiếu	17/01/2002	2050512200137	Nghệ An	20D1	3	22(A402)	ĐHSPKT
682	231782	Trần Trọng	Hiếu	01/06/2003	21115063120110	Quảng Nam	21XC1	3	22(A402)	ĐHSPKT
683	231783	Trần Đức	Hoài	10/01/2002	2050421200135	Quảng Trị	20DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
684	231784	Trịnh Minh	Hoan	11/01/2004	22115064122116	Quảng Trị	22XH1	3	22(A402)	ĐHSPKT
685	231785	Hoàng Hữu	Hoàn	19/05/2003	21115042120117	Quảng Trị	21DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
686	231786	Đặng Võ	Hoàng	21/12/2003	21115042120118	Bình Định	21DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
687	231787	Lê Minh	Hoàng	15/06/2003	21115043120118	Quảng Bình	21N1	3	22(A402)	ĐHSPKT
688	231788	Lê Thanh	Hoàng	16/09/2003	21115042120120	Đắk Lắk	21DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
689	231789	Nguyễn Văn	Hoàng	15/06/2000	1811504410127	Thừa Thiên Huế	18CDT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
690	231790	Trần Xuân	Hoàng	06/06/2002	2050611200115	Quảng Bình	20XD1	3	22(A402)	ĐHSPKT
691	231791	Nguyễn Thái	Học	02/11/2003	21115042120226	Quảng Bình	21DL2	3	22(A402)	ĐHSPKT
692	231792	Lê Thị Ánh	Hồng	01/01/2002	21115073120108	Quảng Nam	21HTP1	3	22(A402)	ĐHSPKT
693	231793	Ngô Văn	Hùng	14/10/2003	21115051220124	Quảng Nam	21D1	3	22(A402)	ĐHSPKT
694	231794	Lê Quốc	Hung	18/11/2003	21115044120117	Quảng Trị	21CDT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
695	231795	Nguyễn	Hung	03/06/2003	21115044120119	Quảng Ngãi	21CDT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
696	231796	Nguyễn Đắc Tuấn	Hung	29/01/2003	21115061120112	Huế	21XD1	3	22(A402)	ĐHSPKT
697	231797	Lê Đình	Huy	21/04/2003	21115043120123	Quảng Nam	21N1	3	22(A402)	ĐHSPKT
698	231798	Lê Văn Quang	Huy	22/06/2003	21115044120121	Quảng Nam	21CDT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
699	231799	Nguyễn Quang	Huy	23/10/2001	2050421200147	Đà Nẵng	20DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
700	231800	Quách Thanh	Huy	21/12/2004	22115042122232	Quảng Ngãi	22DL2	3	22(A402)	ĐHSPKT
701	231801	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	19/05/2003	21115073120109	Bình Định	21HTP1	3	22(A402)	ĐHSPKT
702	231802	Trương Ngọc	Huyền	02/01/2003	21115072120106	Đắk Lắk	21MT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
703	231803	Nguyễn Hà	Huỳnh	12/02/2002	2050531200162	Tp Huế	20T1	3	22(A402)	ĐHSPKT
704	231804	Đỗ Hùng Quốc	Khánh	02/01/2004	22115053122119	Quảng Nam	22T1	3	22(A402)	ĐHSPKT
705	231805	Lê Văn	Khánh	05/02/2004	22115043122117	Quảng Nam	22N1	3	22(A402)	ĐHSPKT
706	231806	Hoàng Lê	Khoa	07/08/2003	21115044120124	Quảng Nam	21CDT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
707	231807	Nguyễn Tài	Khuong	02/08/2003	21115043120167	Quảng Ngãi	21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
708	231808	Từ Tấn	Lâm	19/07/2003	21115043120132	Quảng Ngãi	21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
709	231809	Trần Thanh	Long	13/07/2003	21115053120329	Hà Tĩnh	21T3	3	23(A403)	ĐHSPKT
710	231810	Huỳnh Tấn	Lộc	05/08/2003	21115061120122	Quảng Nam	21XD1	3	23(A403)	ĐHSPKT
711	231811	Võ Hữu	Lộc	20/01/2003	21115054120127	Đà Nẵng	21DT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
712	231812	Trần Văn	Lợi	07/11/1998	21115051220232	Quảng Bình	21D3	3	23(A403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
713	231813	Nguyễn Thành Long	22/10/2002	2050411200151	Quảng Ngãi	20C1	3	23(A403)	ĐHSPKT
714	231814	Nguyễn Văn Phi Long	02/10/2003	21115044120228	Quảng Nam	21CDT2	3	23(A403)	ĐHSPKT
715	231815	Phan Xuân Lương	17/07/2003	21115061120247	Hà Tĩnh	21XD2	3	23(A403)	ĐHSPKT
716	231816	Nguyễn Anh Minh	11/03/2005	23115043122122	Quảng Nam	23N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
717	231817	Nguyễn Đình Minh	07/03/2003	21115055120285	Hà Tĩnh	21TDH2	3	23(A403)	ĐHSPKT
718	231818	Trịnh Đình Mỹ	13/09/2003	21115055120236	Gia Lai	21TDH2	3	23(A403)	ĐHSPKT
719	231819	Nguyễn Thị Ly Na	12/01/2003	21115072120110	Quảng Nam	21MT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
720	231820	Huỳnh Tấn Nam	26/05/2003	21115055120148	Quảng Nam	21TDH1	3	23(A403)	ĐHSPKT
721	231821	Lê Cao Nam	20/11/2003	21115051220140	Quảng Ngãi	21D2	3	23(A403)	ĐHSPKT
722	231822	Nguyễn Trung Nam	29/03/2003	21115051220236	Quảng Ngãi	21D1	3	23(A403)	ĐHSPKT
723	231823	Từ Thanh Nam	15/10/2003	21115055120237	Quảng Ngãi	21TDH2	3	23(A403)	ĐHSPKT
724	231824	Lê Đức Ngân	11/04/2003	21115044120131	Quảng Trị	21CDT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
725	231825	Mai Xuân Ngọ	16/06/2002	21115061120126	Đà Nẵng	21XD1	3	23(A403)	ĐHSPKT
726	231826	Thái Văn Ngọc	29/04/2003	21115054120135	Nghệ An	21DT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
727	231827	Lâm Quang Nhân	14/07/2003	21115051220145	Quảng Nam	21D1	3	23(A403)	ĐHSPKT
728	231828	Đỗ Hữu Nhất	07/03/2003	21115044120135	Quảng Ngãi	21CDT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
729	231829	Nguyễn Văn Nhó	05/02/2003	21115061120223	Thừa Thiên Huế	21XD2	3	23(A403)	ĐHSPKT
730	231830	Võ Đức Nhó	04/01/2004	22115042122142	Quảng Nam	22DL1	3	23(A403)	ĐHSPKT
731	231831	Trần Tâm Như	01/05/2005	23115061122227	Đà Nẵng	23XD2	3	23(A403)	ĐHSPKT
732	231832	Trần Văn Nhựt	13/03/2003	21115043120140	Quảng Nam	21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
733	231833	Nguyễn Ngọc Ninh	17/02/2003	21115044120139	Tây Ninh	21CDT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
734	231834	Lý Minh Phi	17/08/2003	21115042120141	Quảng Nam	21DL1	3	23(A403)	ĐHSPKT
735	231835	Nguyễn Văn Hoài Phong	19/06/2002	2050611200137	Đà Nẵng	20XD1	3	24(B401)	ĐHSPKT
736	231836	Hoàng Minh Phương	10/02/2004	22115061122134	Quảng Trị	22XD1	3	24(B401)	ĐHSPKT
737	231837	Hoàng Anh Quân	13/04/2003	21115051220150	Hà Tĩnh	21D1	3	24(B401)	ĐHSPKT
738	231838	Nguyễn Văn Quang	30/01/2002	2050441200225	Quảng Nam	20CDT2	3	24(B401)	ĐHSPKT
739	231839	Võ Mạnh Quang	09/09/2004	22115053122133	Hà Tĩnh	22T1	3	24(B401)	ĐHSPKT
740	231840	Bạch Ngọc Quý	24/02/2003	21115051220152	Quảng Ngãi	21D1	3	24(B401)	ĐHSPKT
741	231841	Ngô Quỳnh Huy Quốc	10/04/2003	21115054120148	Đà Nẵng	21DT1	3	24(B401)	ĐHSPKT
742	231842	Triệu Tấn Phú Quốc	25/09/2003	21115061120226	Quảng Nam	21XD2	3	24(B401)	ĐHSPKT
743	231843	Hoàng Quang Trọng Quý	25/05/2003	21115044120146	Quảng Trị	21CDT1	3	24(B401)	ĐHSPKT
744	231844	Trịnh Tuấn San	25/11/2003	21115055120248	Hà Tĩnh	21TDH2	3	24(B401)	ĐHSPKT
745	231845	Nguyễn Thiên Sao	13/07/2002	2050512200221	Bình Định	20D2	3	24(B401)	ĐHSPKT
746	231846	Nguyễn Kim Sơn	23/06/2003	21115051120157	Quảng Nam	21D1	3	24(B401)	ĐHSPKT
747	231847	Nguyễn Tấn Tài	12/12/2004	22115043122135	Quảng Nam	22N1	3	24(B401)	ĐHSPKT
748	231848	Nguyễn Hữu Thắng	14/02/2003	21115061120136	Quảng Ngãi	21XD1	3	24(B401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
749	231849	Nguyễn Ngọc Thắng	20/08/2003	21115061120229	Quảng Nam	21XD2	3	24(B401)	ĐHSPKT
750	231850	Phạm Việt Thắng	13/07/2003	21115051220251	Quảng Nam	21D3	3	24(B401)	ĐHSPKT
751	231851	Đoàn Thị Thanh	25/08/2003	21115055120159	Quảng Trị	21TDH1	3	24(B401)	ĐHSPKT
752	231852	Võ Duy Thanh	09/10/2003	21115055120258	Quảng Ngãi	21TDH2	3	24(B401)	ĐHSPKT
753	231853	Hoàng Xuân Thành	15/06/2003	21115055120160	Quảng Trị	21TDH1	3	24(B401)	ĐHSPKT
754	231854	Lê Văn Thành	24/07/2005	23115054122230	Đà Nẵng	23DT2	3	24(B401)	ĐHSPKT
755	231855	Nguyễn Phi Thành	04/09/2004	22115043122138	Quảng Nam	22N1	3	24(B401)	ĐHSPKT
756	231856	Trần Duy Thành	28/11/2003	21115053120348	Quảng Bình	21T3	3	24(B401)	ĐHSPKT
757	231857	Võ Minh Thành	13/09/2002	2050421200246	Đắk Nông	20DL2	3	24(B401)	ĐHSPKT
758	231858	Lê Thị Thi	19/03/2003	21115043120149	Đà Nẵng	21N1	3	24(B401)	ĐHSPKT
759	231859	Đoàn Trọng Thiện	23/01/2003	21115051220160	Quảng Ngãi	21D1	3	24(B401)	ĐHSPKT
760	231860	Võ Văn Thiệp	10/04/2003	21115055120262	Quảng Nam	21TDH2	3	24(B401)	ĐHSPKT
761	231861	Đặng Văn Thịnh	20/08/2003	21115055120164	Quảng Nam	21TDH1	3	24(B401)	ĐHSPKT
762	231862	Nguyễn Cảnh Thịnh	02/01/2004	22115061122145	Quảng Nam	22XD1	3	24(B401)	ĐHSPKT
763	231863	Nguyễn Đình Thịnh	23/07/2004	22115043122233	Đà Nẵng	22n2	3	25(B402)	ĐHSPKT
764	231864	Trần Đình Thọ	18/04/2002	21115053120349	Quảng Bình	21T3	3	25(B402)	ĐHSPKT
765	231865	Thân Đức Thống	31/07/2003	21115061120235	Quảng Nam	21XD2	3	25(B402)	ĐHSPKT
766	231866	Nguyễn Trọng Thụ	12/01/2003	21115042120259	Quảng Bình	21DL2	3	25(B402)	ĐHSPKT
767	231867	Nguyễn Văn Thuận	14/01/2004	22115061122148	Quảng Bình	22XD1	3	25(B402)	ĐHSPKT
768	231868	Hồ Văn Thường	09/07/2001	205141100113	Quảng Trị	20SK1	3	25(B402)	ĐHSPKT
769	231869	Lương Trung Tiến	26/10/2004	22115041122256	Quảng Ngãi	22C2	3	25(B402)	ĐHSPKT
770	231870	Nguyễn Đức Minh Tiến	07/10/2003	21115043120154	Quảng Trị	21N1	3	25(B402)	ĐHSPKT
771	231871	Lê Công Tín	13/04/2003	21115051220164	Quảng Ngãi	21D2	3	25(B402)	ĐHSPKT
772	231872	Lê Tính	28/11/2003	21115061120141	Quảng Ngãi	21XD1	3	25(B402)	ĐHSPKT
773	231873	Huỳnh Văn Toàn	24/01/2003	21115053120153	Quảng Nam	21T1	3	25(B402)	ĐHSPKT
774	231874	Từ Đặng Bảo Toàn	24/01/2003	21115041120255	Hà Tĩnh	21C2	3	25(B402)	ĐHSPKT
775	231875	Lê Minh Trí	19/05/2002	21115072120121	Đà Nẵng	21MT1	3	25(B402)	ĐHSPKT
776	231876	Nguyễn Minh Trí	18/10/2004	22115043122238	Bình Định	22N2	3	25(B402)	ĐHSPKT
777	231877	Nguyễn Tấn Trọng	08/01/2003	21115061120237	Quảng Ngãi	21XD2	3	25(B402)	ĐHSPKT
778	231878	Hoàng Quốc Trung	28/06/2003	21115061120145	Đà Nẵng	21XD1	3	25(B402)	ĐHSPKT
779	231879	Nguyễn Đình Trung	22/08/2003	21115054120168	Đà Nẵng	21DT1	3	25(B402)	ĐHSPKT
780	231880	Nguyễn Thành Trung	13/08/2002	2050611200169	Quảng Nam	20XD1	3	25(B402)	ĐHSPKT
781	231881	Nguyễn Khắc Trường	19/03/2003	21115051220169	Quảng Nam	21D2	3	25(B402)	ĐHSPKT
782	231882	Phan Hữu Trường	15/05/2003	21115061120241	Đà Nẵng	21XD2	3	25(B402)	ĐHSPKT
783	231883	Phan Tấn Truyền	27/03/2003	21115051220265	Quảng Ngãi	21D3	3	25(B402)	ĐHSPKT
784	231884	Lê Hữu Anh Tú	20/07/2003	22115051222244	Quảng Ngãi	22D1	3	25(B402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
785	231885	Nguyễn Đăng Tú	04/09/2003	21115055120172	Quảng Nam	21TDH1	3	25(B402)	ĐHSPKT
786	231886	Võ Thanh Tú	01/09/2003	21115044120265	Quảng Ngãi	21CDT2	3	25(B402)	ĐHSPKT
787	231887	Lê Công Tuấn	20/06/2003	21115043120160	Thanh Hoá	21N1	3	25(B402)	ĐHSPKT
788	231888	Nguyễn Hữu Lê Tuấn	11/11/2003	21115043120158	Quảng Nam	21N1	3	25(B402)	ĐHSPKT
789	231889	Nguyễn Văn Tuấn	12/09/2001	1911505410157	Quảng Ngãi	19DT1	3	25(B402)	ĐHSPKT
790	231890	Huỳnh Minh Tường	30/11/2005	23115072122119	Đà Nẵng	23MT1	3	25(B402)	ĐHSPKT
791	231891	Phạm Đình Ưu	20/12/2003	21115055120273	Quảng Ngãi	21TDH2	3	26(B403)	ĐHSPKT
792	231892	Huỳnh Tấn Việt	01/01/2003	21115043120161	Đắk Nông	21N1	3	26(B403)	ĐHSPKT
793	231893	Trần Đình Việt	01/03/2004	22115053122149	Hà Tĩnh	22T1	3	26(B403)	ĐHSPKT
794	231894	Hồ ThàNh Vinh	04/12/2003	21115051220175	Quảng Nam	21D2	3	26(B403)	ĐHSPKT
795	231895	Nguyễn Thọ Quang Vinh	25/11/2003	21115053120263	An Giang	21T2	3	26(B403)	ĐHSPKT
796	231896	Nguyễn Thanh Vũ	08/04/2005	23115043122146	Quảng Nam	23N1	3	26(B403)	ĐHSPKT
797	231897	Phạm Ngọc Vũ	30/05/2003	21115043120163	Quảng Ngãi	21N1	3	26(B403)	ĐHSPKT
798	231898	Huỳnh Văn Vỹ	24/06/2003	21115044120167	Quảng Ngãi	21CDT1	3	26(B403)	ĐHSPKT
799	231899	Nguyễn Quốc An	22/09/2002	20IT757		20NS	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
800	231900	Nguyễn Thị Lan Anh	14/12/2003	21IT189		21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
801	231901	Hoàng Nhật Anh	08/05/2001	20BA060		20EC	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
802	231902	Lương Thị Vân Anh	15/07/2003	21IT122		21JIT	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
803	231903	Nguyễn Đình Ất	15/09/2002	20IT536		20SE6	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
804	231904	Nguyễn Quang Báo	18/12/2003	21IT326		21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
805	231905	Trần Hưng Bình	17/05/2003	21IT265		21SE2	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
806	231906	Văn Thị Quỳnh Châu	02/08/2003	21IT533		21MC	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
807	231907	Nguyễn Sỹ Đan	08/05/2002	20IT259		20SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
808	231908	Phạm Văn Đan	08/02/2002	20IT258		20AD	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
809	231909	Đoàn Thị Mỹ Diệu	01/07/2003	21AD017		21AD	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
810	231910	Nguyễn Trường Đô	27/10/2003	21IT334		21SE1	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
811	231911	Võ Khắc Đoài	28/08/2003	21IT335		21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
812	231912	Trần Khánh Dư	27/06/2000	21BA208		21DM1	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
813	231913	Đặng Hữu Đức	26/10/2003	21BA209		21EC	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
814	231914	Lê Thị Thuỷ Duyên	01/02/2003	21IT474		21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
815	231915	Huỳnh Thị Thanh Hiền	19/02/2004	22BA020		22BA	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
816	231916	Đỗ Đăng Huy Hoàng	03/05/2003	21DA015		21DA	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
817	231917	Lê Thị Thu Hường	05/10/2003	21IT489		21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
818	231918	Phạm Quốc Huy	25/10/2003	21IT413		21SE4	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
819	231919	Nguyễn Viết Huy	22/07/2004	22BA028		22BA	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
820	231920	Nguyễn Quang Huy	21/02/2003	21IT353		21MC	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
821	231921	Nguyễn Hoàng Huy	27/01/2002	20CE032		20CE	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
822	231922	Trần Thanh Huyền	19/12/2003	21IT283		21MC	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
823	231923	Nguyễn Quốc Khánh	27/02/2003	21DA024		21DA	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
824	231924	Trương Quốc Khánh	19/08/2001	19IT168		19IT3	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
825	231925	Hồ Đắc Lâm	09/04/2004	22BA035		22BA	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
826	231926	Nguyễn Thị Ngọc Liên	07/04/2002	21IT084		21SE1	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
827	231927	Trần Thị Mỹ Linh	24/11/2003	21EL027		21EL	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
828	231928	Trịnh Tuấn Minh	31/01/2003	21IT154		21SE3	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
829	231929	Nguyễn Thế Mỹ	23/01/2003	21IT425		21SE4	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
830	231930	Lê Quang Nghĩa	27/09/2003	21IT362		21SE5	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
831	231931	Trần Văn Nghĩa	27/07/2002	21IT629		21SE2	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
832	231932	Đỗ Thị Kim Nghĩa	15/02/2003	22EL094		22EL2	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
833	231933	Nguyễn Văn Vĩnh Nguyên	14/07/2003	21IT431		21SE1	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
834	231934	Lê Khả Nhân	26/08/2002	21IT218		21SE3	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
835	231935	Tăng Ngọc Nhân	10/06/2003	21IT296		21SE2	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
836	231936	Đặng Thị Thanh Nhi	08/09/2003	21AD046		21AD	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
837	231937	Huỳnh Phú Nhuận	16/09/2003	21IT365		21SE5	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
838	231938	Nguyễn Thành Phát	13/01/2003	21IT160		21SE3	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
839	231939	Nguyễn Văn Phó	07/10/2003	21IT506		21SE5	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
840	231940	Đào Thị My Phụng	17/09/2004	22BA079		22GBA	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
841	231941	Đinh Việt Phương	26/09/2002	21IT507		21KIT	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
842	231942	Trương Thị Minh Phụng	10/01/2003	21IT300		21IR	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
843	231943	Đoàn Minh Quân	16/10/2002	20IT066		20SE2	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
844	231944	Nguyễn Tuấn Sang	27/08/2003	21IT304		21SE2	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
845	231945	Bùi Thị Sen	01/04/2004	22EF044		22EF	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
846	231946	Trương Thị Minh Song	10/01/2003	21IT308		21NS	3	27 (C402)	ĐHCNTT&TTVH
847	231947	Phạm Chí Tài	18/02/2004	22BA088		22BA	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
848	231948	Nguyễn Thị Thắm	04/10/2003	21IT377		21MC	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
849	231949	Huỳnh Công Thành	16/03/2002	20IT603		20DA	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
850	231950	Nguyễn Thọ Thành	16/11/2005	23EL106		23EL2	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
851	231951	Mai Thị Phương Thảo	27/03/2003	21IT237		21SE3	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
852	231952	Lê Minh Thế	22/12/2003	21IT048		21GIT	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
853	231953	Võ Minh Thiện	02/09/2001	20IT348		20NS	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
854	231954	Trần Thị Anh Thơ	20/11/2003	21IT382		21MC	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
855	231955	Huỳnh Thị Minh Thu	09/10/2004	22BA099		22GBA	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
856	231956	Vũ Trí Thức	27/05/2002	20IT405		20AD	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
857	231957	Trần Ngọc Tiến	07/03/2001	21IT384		21SE5	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
858	231958	Nguyễn Viết Khánh Toàn	11/07/2003	21BA121		21EC	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
859	231959	Trần Thị Minh Trâm	19/08/2003	21IT664		21SE2	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
860	231960	Nguyễn Thị Thiên Trang	02/09/2003	21AD063		21AD	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
861	231961	Trần Đình Trung	04/07/2003	21IT592		21SE2	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
862	231962	Trần Quốc Trường	01/01/2003	21IT674		21SE3	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
863	231963	Huỳnh Nhật Tùng	28/10/2002	20IT182		20NS	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
864	231964	Tô Thị Thúy Vân	07/05/2003	21AD065		21AD	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
865	231965	Trương Thị Cẩm Vân	23/06/2004	22BA119		22GBA	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
866	231966	Nguyễn Thị Tường Vi	27/09/2003	21BA264		21DM2	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
867	231967	Nguyễn Thị Thúy Vi	06/03/2003	21IT187		21MC	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
868	231968	Lê Nhật Xuân	07/01/2002	20IT137		20NS	3	28 (C401)	ĐHCNTT&TTVH
869	231969	Bùi Thị Thúy Nga	09/02/2003	217720201119		D21	3	28 (C401)	Y Dược
870	231970	Đặng Trần Bảo Trâm	18/02/2003	217720201135		D21	3	28 (C401)	Y Dược
871	231971	Đỗ Tâm Dung	08/06/2004	227720301005		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
872	231972	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	29/11/2003	217720201132		D21	3	28 (C401)	Y Dược
873	231973	Ksor H' Phok	04/04/2003	227720301034		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
874	231974	Lê Ngọc Ánh	13/09/2002	207720501209		RHM20	3	28 (C401)	Y Dược
875	231975	Lê Nguyễn Phương Chung	19/04/2002	207720501213		RHM20	3	28 (C401)	Y Dược
876	231976	Lê Thị Yến Nhi	28/03/2002	207720501239		RHM20	3	28 (C401)	Y Dược
877	231977	Nguyễn Hoàng Ngân	22/03/2002	207720501236		RHM20	3	28 (C401)	Y Dược
878	231978	Nguyễn Thị Anh Ngọc	19/09/2004	227720301029		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
879	231979	Nguyễn Thị Hữu Lộc	08/03/2003	217720201118		D21	3	28 (C401)	Y Dược
880	231980	Nguyễn Thị Thùy Trang	30/11/2003	217720201134		D21	3	28 (C401)	Y Dược
881	231981	Nguyễn Thị Trúc Anh	08/01/2004	227720301001		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
882	231982	Nguyễn Tiến Anh Kiệt	17/12/2001	207720101044		YK20A	3	28 (C401)	Y Dược
883	231983	Nguyễn Trần Diễm Linh	20/06/2003	217720201117		D21	3	28 (C401)	Y Dược
884	231984	Phạm Linh Đan	03/09/2002	217720101016		YK21B	3	28 (C401)	Y Dược
885	231985	Phạm Thị Vàng	02/01/2004	227720301044		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
886	231986	Phan Nguyễn Như Quỳnh	13/09/2003	217720201129		D21	3	28 (C401)	Y Dược
887	231987	Phan Thị Ngọc Ánh	20/01/2004	227720301004		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
888	231988	Phan Thị Tú Uyên	18/01/2003	217720201141		D21	3	28 (C401)	Y Dược
889	231989	Phan Văn Kha	02/02/2002	207720101040		YK20B	3	28 (C401)	Y Dược
890	231990	Siu Lan Nguyệt	09/05/2003	227720301030		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
891	231991	Trần Mỹ Duyên	12/08/2004	227720301007		DD22	3	28 (C401)	Y Dược
892	231992	Trần Trương Tuyết Anh	07/06/2004	227720301002		DD22	3	28 (C401)	Y Dược

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
893	231993	Trịnh Quỳnh Như	Trâm	16/05/2002	207720101105		YK20B	3	28 (C401)	Y Dược
894	231994	Trịnh Thị Phương	Thảo	30/11/2003	217720201131		D21	3	28 (C401)	Y Dược
895	231995	Trương Ngọc Diễm	Hà	18/07/2002	207720501220		RHM20	3	28 (C401)	Y Dược
896	231996	Võ Thị Ánh	Tuyết	20/01/2003	217720201140		D21	3	28 (C401)	Y Dược
897	231997	Lê Thị Thanh	An	25/12/2002	20050023	Đà Nẵng	20THM1	3	29(C404)	VNUK
898	231998	Nguyễn Hữu Duy	Bảo	04/11/2003	21050009	Đà Nẵng	21THM	3	29(C404)	VNUK
899	231999	Đặng Nghi	Bình	09/03/2003	21010090	Thừa Thiên Huế	21IBM4	3	29(C404)	VNUK
900	232000	Hoàng Minh	Châu	31/10/1999	17010021	Đà Nẵng	17IBM2	3	29(C404)	VNUK
901	232001	Vũ Linh	Chi	04/04/2001	19010065	Hải Phòng	19THM	3	29(C404)	VNUK
902	232002	Nguyễn Thanh	Dương	15/01/2000	18030011	Quảng Ngãi	18BMS	3	29(C404)	VNUK
903	232003	Cao Thị Mỹ	Duyên	14/12/2001	19010064	Gia Lai	19IBM2	3	29(C404)	VNUK
904	232004	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	19/12/2002	20050041	Đà Nẵng	20THM1	3	29(C404)	VNUK
905	232005	Bùi Hoàng	Giang	10/01/2002	20010040	Đà Nẵng	20IBM1	3	29(C404)	VNUK
906	232006	Cao Hồng	Hạnh	03/03/1999	17010044	Đà Nẵng	17IBM2	3	29(C404)	VNUK
907	232007	Nguyễn Cao Như	Hào	02/06/2003	21030009	Đà Nẵng	21BMS	3	29(C404)	VNUK
908	232008	Trần Gia	Huân	15/03/2001	19010011	Thừa Thiên Huế	19THM	3	29(C404)	VNUK
909	232009	Nguyễn Minh	Hưng	27/03/2002	20020021	Đà Nẵng	20CSE	3	29(C404)	VNUK
910	232010	Đặng Thị Bích	Huyền	20/10/2002	20010082	Đà Nẵng	20IBM4	3	29(C404)	VNUK
911	232011	Phạm Mai Hoàng	Kim	12/10/2002	20010060	Đà Nẵng	20IBM2	3	29(C404)	VNUK
912	232013	Phạm Ngọc Phương	Linh	26/03/2002	20010086	Tp. Hồ Chí Minh	20IBM3	3	29(C404)	VNUK
913	232014	Nguyễn Thị Ánh	Ly	01/10/2002	20050046	Đà Nẵng	20THM	3	29(C404)	VNUK
914	232015	Lê Võ Hồng	Ngọc	11/09/2003	21010113	Đà Nẵng	21IBM2	3	29(C404)	VNUK
915	232016	Nguyễn Thị Như	Ngọc	09/06/2000	18010059	Thừa Thiên Huế	18IBM1	3	29(C404)	VNUK
916	232017	Võ Hồng	Ngọc	08/06/1999	17010045	Đà Nẵng	17IBM2	3	29(C404)	VNUK
917	232018	Trần Bảo	Nguyên	30/12/2002	20010047	Gia Lai	20IBM4	3	29(C404)	VNUK
918	232019	Ngô Minh	Nhật	25/05/2002	20050026	Đà Nẵng	20THM2	3	29(C404)	VNUK
919	232020	Đặng Thuỳ	Nhi	31/05/2000	18010058	Đà Nẵng	19THM	3	29(C404)	VNUK
920	232021	Nguyễn Hưng Khánh	Nhi	27/01/2000	19010058	Thừa Thiên Huế	19IBM1	3	29(C404)	VNUK
921	232022	Nguyễn Linh	Nhi	06/01/2002	20020013	Đà Nẵng	20CSE	3	29(C404)	VNUK
922	232023	Trần Quỳnh	Nhi	04/10/2001	20010021	Đắk Lắk	20IBM4	3	29(C404)	VNUK
923	232024	Phạm Minh	Phước	02/12/2003	21010023	Đà Nẵng	21IBM2	3	29(C404)	VNUK
924	232025	Hồ Kỳ Kỳ	Quan	25/02/2001	19010035	Đà Nẵng	19THM	3	29(C404)	VNUK
925	232026	Bùi Minh	Quân	17/09/2002	21020005	Đà Nẵng	21CSE	3	29(C404)	VNUK
926	232027	Phan Nhật	Quang	29/11/2003	21040005	Đà Nẵng	21DS	3	29(C404)	VNUK
927	232028	Nguyễn Phương	Quỳnh	25/07/2003	21010056	Đà Nẵng	21IBM3	3	29(C404)	VNUK
928	232029	Văn Phú	Thành	10/12/2001	20010009	Quảng Nam	20IBM2	3	29(C404)	VNUK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
929	232030	Lê Anh Thư	28/05/2003	21010108	Đà Nẵng	21IBM2	3	29(C404)	VNUK
930	232031	Nguyễn Hoàng Anh Thư	02/10/2002	20010052	Đà Nẵng	20IBM4	3	29(C404)	VNUK
931	232032	Nguyễn Trần Anh Thư	28/02/2002	20050018	Đà Nẵng	20THM1	3	29(C404)	VNUK
932	232033	Tô Bích Trâm	06/09/2002	20050009	Bạc Liêu	20THM2	3	29(C404)	VNUK
933	232034	Trương Thùy Bảo Trân	29/08/2002	20050027	Đà Nẵng	20THM1	3	29(C404)	VNUK
934	232035	Dương Nguyễn Kiều Trang	08/01/2000	18010062	Đà Nẵng	18IBM2	3	29(C404)	VNUK
935	232036	Phan Thiên Trang	05/05/2001	20050008	Quảng Bình	20THM2	3	29(C404)	VNUK
936	232037	Huỳnh Mai Thanh Trúc	25/10/2002	20050001	Hà Nội	20THM2	3	29(C404)	VNUK
937	232038	Trần Như Trúc	05/06/2003	21010096	Quảng Nam	21IBM3	3	29(C404)	VNUK
938	232039	Nguyễn Quang Trường	05/10/2002	20020007	Đà Nẵng	20CSE	3	29(C404)	VNUK
939	232040	Lê Tịnh Văn	15/02/2002	20050002	Đà Nẵng	20THM1	3	29(C404)	VNUK
940	232041	Huỳnh Thị Ái Vy	14/09/2003	21010055	Đà Nẵng	21IBM4	3	29(C404)	VNUK

Danh sách có 940 thí sinh./.